

Số: /BKHCN-KHTC
V/v xin ý kiến dự thảo Nghị định đầu tư và
cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học,
công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Tập đoàn, Tổng công ty.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Chính phủ, trình Quốc hội dự thảo Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo dự kiến được Quốc hội biểu quyết thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa 15 ngày 27/6/2025, có hiệu lực từ ngày 01/10/2025 (một số Điều có hiệu lực từ 01/7/2025).

Khoản 2 Điều 53 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định: “2. *Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết*”.

Để kịp thời gian có hiệu lực thi hành với một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ đã dự thảo Nghị định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*dự thảo Nghị định*).

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia đối với nội dung dự thảo Nghị định (*Hồ sơ gửi kèm*).

Ý kiến của Quý cơ quan đề nghị gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày **25/6/2025** để tổng hợp, trình Chính phủ, đồng thời gửi file về địa chỉ email: **nhvan@mst.gov.vn**. Quá thời hạn nêu trên, được hiểu là đồng ý với dự thảo Nghị định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Bùi Thế Duy;
- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương;
- Thứ trưởng Hoàng Minh;
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Các đơn vị thuộc bộ (để có ý kiến);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Thế Duy

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định về đầu tư và cơ chế tài chính
 đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số... ngày của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi là Dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Xây dựng và hoàn thiện các quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) được Đảng và Nhà nước quan tâm, chỉ đạo trong các văn bản sau đây:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định: *“Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, ...; Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo”*; *“Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh”*;

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra nhiệm vụ: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số”*;

- Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đề ra nhiệm vụ: “*Phát triển các trung tâm và mạng lưới đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo*”; “*khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn công nghiệp hàng đầu thành lập trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo*”; “*Phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học, công nghệ và hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, vùng gắn với các chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo*”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đề ra nhiệm vụ: “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.*”

Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

Thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Đầu tư, nâng cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cùng các cơ sở nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia. Sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động không hiệu quả. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Có cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành

lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải.”

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đề ra nhiệm vụ: “Triển khai quyết liệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong khu vực kinh tế tư nhân.

Ban hành khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ mới, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân tham gia nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, thương mại điện tử, công nghệ tài chính, y tế thông minh...

Cho phép các doanh nghiệp được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này. Có chính sách hỗ trợ chi phí đầu tư mua sắm máy móc, đổi mới công nghệ, chi phí thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững, tuần hoàn thông qua cơ chế khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tài trợ qua các quỹ.

Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển. Doanh nghiệp được sử dụng quỹ để tự triển khai hoặc đặt hàng nghiên cứu phát triển bên ngoài theo cơ chế khoán sản phẩm.

Doanh nghiệp, tổ chức tư nhân được sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung, trung tâm thử nghiệm, đo lường, kiểm định, giám định của Nhà nước để phát triển sản phẩm với mức phí hợp lý.

Có chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo kể từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân cho các chuyên gia, nhà khoa học làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Nhà nước ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ ương tạo phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển và chuyển giao các công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.”

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: *“Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định. Bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu; hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tập trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống (trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu, tài sản mã hóa...) để hình thành các động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, các ngành công nghiệp mới. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh cho trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do, khu kinh tế trọng điểm...”*

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định: *“Tiếp tục có cơ chế, chính sách ưu đãi, đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia theo mô hình tiên tiến trên thế giới.”;*

- Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã đề ra nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.*

Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm từ 2% tổng chi ngân sách trở lên theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; thống kê, tổng hợp số liệu, kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ tại các cơ quan, địa phương. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục thanh, quyết toán kinh phí nghiên cứu khoa học, mở rộng cơ chế giao khoán sản phẩm... Giải quyết hiệu quả các vướng mắc để giải phóng tối đa nguồn lực từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thúc đẩy nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”;

2. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 10 năm thực hiện chính sách về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN quy

định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (gọi tắt là Nghị định 95/2014/NĐ-CP) đã đạt được kết quả nhất định. Tuy nhiên, trong thực hiện, các quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ phát sinh những điểm bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, chưa tạo ra được các cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để hình thành các động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, các ngành công nghiệp mới và thống nhất với sự thay đổi của pháp luật có liên quan. Một số nội dung còn bất cập, chưa phù hợp về đầu tư và cơ chế tài chính hiện hành cụ thể như sau:

- Về đầu tư cho hoạt động KH&CN: Phân bổ vốn đầu tư còn chông chéo, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức sự nghiệp KH&CN công lập chưa phù hợp dẫn đến các đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Quy định về nội dung chi đầu tư phát triển KH&CN và chi thường xuyên sự nghiệp KH&CN cần phân định rõ để phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật Đầu tư công giúp tháo gỡ vướng mắc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của bộ, ngành, địa phương trong việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp KH&CN để mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Nghị định đầu tư và cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ giúp đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đầu tư công và NSNN, là cơ sở pháp lý để xây dựng kế hoạch trung hạn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch ngân sách nhà nước năm 2026 cũng như các giai đoạn tiếp sau.

- Về cơ chế quản lý tài chính cho nhiệm vụ KH&CN: Quy định về xây dựng dự toán và kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN hiện nay dù đã đổi mới nhưng chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN về tính mới, tính đột xuất, độ trễ và tính rủi ro trong nghiên cứu, chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng khoa học.

- Về cơ chế tự chủ về tài chính cho tổ chức KH&CN công lập: quan điểm/triết lý tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP dẫn đến xu hướng hoặc là giảm động lực tự chủ của các tổ chức KH&CN công lập; hoặc là khi các tổ chức KH&CN “tự lo”, dẫn đến sứ mệnh nghiên cứu chính, cơ bản của tổ chức sẽ đứng sau mục tiêu ưu tiên là phải tạo được nhiều nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp. Quy định về lộ trình tự chủ tăng dần phù hợp đối với đơn vị sự nghiệp thực hiện các dịch vụ công, nhưng không thể áp dụng đối với tất cả các tổ chức KH&CN như các tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính

sách, nghiên cứu định mức kinh tế - kỹ thuật,...cần Nhà nước bảo đảm duy trì hoạt động của tổ chức.

- Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp: các quy định về việc khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn doanh nghiệp, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp thể hiện ở hiện trạng số lượng doanh nghiệp trích lập Quỹ chưa nhiều và số dư Quỹ chưa sử dụng lớn.

- Việc hỗ trợ lãi suất vay thúc đẩy đổi mới công nghệ tại Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia mặc dù đã có quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ, nhưng chưa được triển khai thực hiện. Hơn nữa, các mức hỗ trợ lãi suất vay trước đây vẫn còn thấp, chưa thu hút sự quan tâm của các đối tượng thụ hưởng. Căn cứ vào một số khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp về các chính sách hỗ trợ tài chính của nhà nước thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, đã có đề xuất về việc cần triển khai hỗ trợ lãi suất vay với mức hỗ trợ lãi suất cao để giảm gánh nặng tài chính, thu hút các nguồn vốn ngoài nhà nước cùng đầu tư để thúc đẩy hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội đã quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích sự tham gia của cá nhân, nhà khoa học, doanh nghiệp tư nhân như: nhà nước cấp kinh phí thông qua cơ chế quỹ; miễn trách nhiệm dân sự nếu nghiên cứu không đạt kết quả như dự kiến; được tự chủ trong việc sử dụng tài sản mà không cần định giá để cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng hoặc kinh doanh dịch vụ mà không cần lập đề án hay báo cáo cấp có thẩm quyền...

Vì vậy, để thể chế hóa quan điểm, chủ trương, giải pháp đã xác định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, đồng thời bảo đảm thi hành các Nghị quyết của Quốc hội và Luật Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo sẽ được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9, việc xây dựng dự thảo Nghị định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành văn bản

- Thể chế hóa các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành.

- Nâng cao hiệu quả và đóng góp của hoạt động KH,CN&ĐMST để hình thành các động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, các ngành công nghiệp mới trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

a) Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, cũng như các chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH,CN&ĐMST, nâng cao tính minh bạch, chủ động và trách nhiệm giải trình của các chủ thể trong quá trình quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH,CN&ĐMST.

c) Khắc phục được tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định hiện hành về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH,CN&ĐMST.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 15, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 65, Điều 66, Điều 67, Điều 68 và Điều 69 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; về nội dung chi, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; về chi phí của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; về cơ chế tài chính đối với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung; về xác định sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi trong đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ KH&CN đã triển khai các công việc sau:

- Bộ KH&CN đã thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH,CN&ĐMST theo Quyết định số 1346/QĐ-BKHCN ngày 19/6/2025. Tổ soạn thảo đã họp cho ý kiến về dự thảo Nghị định (ngày...).

- Bộ KH&CN đã có Công văn số 2535/BKHCN-KHTC ngày 19/6/2025 gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và doanh nghiệp. Đồng thời đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định. Bộ KH&CN đã nhận được ý kiến của ... cơ quan, tổ chức. Bộ KH&CN đã tổng hợp trong Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Nghị định (Báo

cáo¹ được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN theo quy định).

- Ngày ..., Bộ KH&CN đã có công văn số .../BKHCN-KHTC gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định. Bộ Tư pháp đã tổ chức họp ngày... và có Báo cáo thẩm định số.../BCTĐ-BTP ngày...

- Bộ KH&CN đã giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (tại Báo cáo số.../BC-BKHCN ngày 30/12/2024 của Bộ KH&CN gửi kèm theo) và hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 6 Chương và 41 Điều, cụ thể:

Chương I - Những quy định chung

Chương II - Đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Chương III - Cơ chế tài chính đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Chương IV - Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

Chương V - Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia

Chương VI - Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

a) Về xây dựng kế hoạch, lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhằm cụ thể hóa quy định tại Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số .../2025/QH15, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ thống nhất với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước số .../2025/QH15 và Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại ..., phù hợp với các quy định về đầy mạnh phân cấp, phân quyền, dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết:

- Việc xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của quốc gia, bộ, ngành, địa phương nhằm xác định mục tiêu, chính sách, giải pháp và nhiệm vụ cụ thể của quốc gia, bộ, ngành, địa phương trong việc phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm: xác định cơ cấu chi, nội dung chi ngân sách nhà nước về chi đầu tư, chi thường xuyên cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*giao Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ cấu phân bổ theo các hạng mục*); thiết lập nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách nhà nước đảm bảo công khai, minh bạch, hướng tới kết quả đầu ra, tăng cường

¹ Công văn số 4932/BKHCN-PC ngày 10/12/2024 của Bộ KH&CN về việc đăng tải dự thảo Bản giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

hiệu quả và trách nhiệm giải trình của bộ, ngành, địa phương sử dụng ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo cơ chế tài chính linh hoạt, đáp ứng đặc điểm và nhu cầu thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Tiếp tục kế thừa các quy định về cấp kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo cơ chế quỹ quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số 193/2025/QH 15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để áp dụng đối với lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện năm đầu tiên của giai đoạn ổn định ngân sách 3 năm.

b) Về đầu tư của xã hội cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhằm cụ thể hóa quy định tại Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số.../2025/QH15, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ thống nhất với quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số.../2025/QH15 và Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết:

- Về nội dung chi, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp:

+ Về nội dung chi của Quỹ để thực hiện: dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược (thuê hoặc trả lương chuyên gia trong và ngoài nước theo giá thỏa thuận; mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài để phục vụ phân tích, học hỏi, giải mã với giá thỏa thuận; mua trực tiếp bí quyết công nghệ); mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; trực tiếp thực hiện, đặt hàng hoặc thuê thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức nghiên cứu, thuê nghiên cứu tại nước ngoài không phải thông qua dự án đầu tư; hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp.

+ Về quản lý và sử dụng Quỹ: khoản chi từ Quỹ phải có chứng từ theo quy định của quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ; trong thời gian 05 năm kể từ khi trích lập Quỹ, doanh nghiệp không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phân lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp (*giao Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung này*); các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện, hiến, tặng (nếu có) và tại thời điểm kết thúc năm tài chính, tiếp tục được sử dụng để thực hiện các nội dung chi của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, không phải nộp ngân sách nhà nước.

- Về các khoản chi trực tiếp của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: xác định nội hàm chi phí cho trực tiếp thực hiện, thuê, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tài trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi phí phát sinh để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và chi phí phát sinh thực hiện để thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo.

c) Về cơ chế tài chính đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhằm cụ thể hóa quy định tại Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số .../2025/QH15, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ thống nhất với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước số .../2025/QH15, các nội dung quy định về cơ chế tài chính đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: xác định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; và khoản chi trong thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đối với khoản chi trong thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, các quy định cụ thể về khoản chi như sau:

+ Đối với khoản chi đến sản phẩm cuối cùng: toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện khoán chi; cam kết sản phẩm là cơ sở để đánh giá kết quả và thanh quyết toán nhiệm vụ; tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự quyết định điều chỉnh giữa các khoản mục chi, nội dung chi, quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận; không phải quyết toán chi tiết theo từng khoản mục, nội dung chi, quyết toán tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mục chi khoán khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm cuối cùng.

+ Đối với khoản chi từng phần theo nội dung nghiên cứu, các kinh phí không được khoán chi bao gồm: kinh phí chi mua tài sản được trang bị để triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, thuê dịch vụ thuê ngoài chưa có tiêu chuẩn, định mức và đoàn đi công tác nước ngoài; tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được điều chỉnh các nội dung chi trong cùng loại hình chi, được quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận.

- Về định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đề nghị được áp dụng theo định mức chi cho

chuyên gia mức ¹² tối đa không quá 70 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

d) Về cơ chế tài chính đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia

- Về cơ chế tài chính đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia: Quy định rõ địa vị pháp lý của Quỹ là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có chức năng tài trợ, hỗ trợ kinh phí, đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN quốc gia. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Bổ sung các cơ chế linh hoạt trong tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách, bao gồm: các khoản tài trợ, hiến tặng hợp pháp, các khoản lãi phát sinh và thu hợp pháp khác. Việc sử dụng nguồn vốn này không bị áp dụng các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi như đối với nguồn ngân sách nhà nước và thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức cá nhân tài trợ. Cho phép Quỹ chi bổ sung thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi tập thể, đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, viên chức, người lao động từ nguồn thu ngoài ngân sách, không bị giới hạn bởi mức trần trong cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Thiết lập cơ chế hậu kiểm và cơ chế xử lý rủi ro tài chính riêng biệt, phù hợp với đặc thù hoạt động tài trợ nhiệm vụ KH&CN và ĐMST có tính rủi ro, không đảm bảo thành công 100%. Trong đó, Quỹ có thể miễn, giảm, giãn thời gian hoàn trả, không thu hồi phần tạm ứng còn lại trong một số trường hợp khách quan, bất khả kháng, hoặc rủi ro khoa học được xác định. Bổ sung trách nhiệm giám sát, công khai thông tin và kiểm toán tài chính, đồng thời cho phép Quỹ thuê đơn vị kiểm toán độc lập để đảm bảo minh bạch và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính. Đối với các khoản đóng góp từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước đã nộp về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 11 Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 và các khoản lãi phát sinh, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia thực hiện nộp NSNN.

- Về cơ chế tài chính đối với Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia:

Việc quy định Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc Bộ KH&CN tháo gỡ được các khó khăn, vướng mắc trong thời gian qua khi Quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí hoạt động của Quỹ bao gồm: nguồn kinh phí được cấp hằng năm từ ngân sách nhà nước, từ các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

¹² Mức lương theo tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn mức 1 có thời gian làm việc đủ 26 ngày quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 04/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

Điều kiện, tiêu chí, trình tự, hồ sơ xét tài trợ, tuyển chọn, giao trực tiếp và các quy định về tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định theo pháp luật có liên quan. Mức hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp được Quỹ tài trợ, hỗ trợ kinh phí theo từng loại hình nhiệm vụ đối với dự án đổi mới công nghệ, dự án sáng tạo công nghệ, dự án nâng cao hiệu suất công nghệ và các loại hình dự án khác.

Việc xây dựng các chính sách hỗ trợ lãi suất vay thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo là cần thiết. Nhà nước hỗ trợ lãi suất sẽ góp phần giảm gánh nặng tài chính, thu hút doanh nghiệp đầu tư đổi mới sáng tạo, từ đó thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ diễn ra mạnh mẽ và rộng khắp. Chính sách hỗ trợ lãi suất đề xuất có nhiều nội dung mới, mang tính đột phá như mức hỗ trợ lãi suất tối đa theo mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước, thời hạn hỗ trợ lãi suất trung hạn phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm của nhà nước và thời gian thực hiện dự án đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, phương thức tổ chức thực hiện hỗ trợ lãi suất phù hợp với việc giải ngân và thụ hưởng, ưu tiên lĩnh vực hỗ trợ theo định hướng chiến lược để chú trọng đầu tư có trọng điểm.

Hỗ trợ các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo: chi hỗ trợ kinh phí, cấp phiếu hỗ trợ công nghệ các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và giao Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, quản lý hoạt động, mức hỗ trợ đối với hoạt động quy định tại nội dung này.

đ) Về cơ chế tài chính đối với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung

- Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung cho phép nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng chung để phục vụ nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, kiểm chuẩn công nghệ và đào tạo. Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung sử dụng toàn bộ hoặc một phần do ngân sách đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện có của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cơ quan nhà nước cho phép để sử dụng làm phòng thí nghiệm dùng chung; hình thành thông qua thực hiện dự án đầu tư theo phương thức hợp tác công - tư (PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Cơ quan quản lý nhà nước không trực tiếp vận hành mà giao cho đơn vị có đủ năng lực (trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp khoa học và công nghệ) để quản lý phòng thí nghiệm dùng chung. Có thể thành lập Ban quản lý độc lập hoặc giao đơn vị sự nghiệp công lập vận hành phòng thí nghiệm dùng chung.

- Mức phí sử dụng phòng thí nghiệm dùng chung do đơn vị quản lý phòng thí nghiệm dùng chung công bố trên cơ sở chi phí vận hành và giá trị thiết bị. Miễn hoặc giảm phí sử dụng phòng thí nghiệm dùng chung cho đối tượng nghiên cứu ưu tiên theo quy định tại các điều 53, 54 và 55 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

e) Về xác định điều kiện và tiêu chuẩn của sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi trong đấu thầu

Việc xác định sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi trong đấu thầu dựa trên đáp ứng đầy đủ điều kiện và tiêu chí như sau:

- Các sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi trong đấu thầu nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: được nghiên cứu, phát triển dựa trên công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược, dựa trên công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành; có tiêu chuẩn về kỹ thuật, chức năng hoặc hiệu suất tương đương so với các sản phẩm nhập khẩu hiện có; có tiềm năng ứng dụng thực tế cao trong lĩnh vực dịch vụ công, đồng thời chưa được thương mại hóa rộng rãi tại thị trường Việt Nam; có khả năng nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ hoặc tiết kiệm chi phí trong vận hành dịch vụ công.

- Đồng thời, các sản phẩm, hàng hóa, công nghệ đáp ứng tiêu chí: mức độ đổi mới sáng tạo; tác động xã hội hoặc hiệu quả cải thiện hoạt động dịch vụ công; khả năng sản xuất, cung ứng ổn định; khả năng thay thế hàng nhập khẩu hoặc hàng hóa phổ thông trong nước; mức độ an toàn và tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo quy định pháp luật hiện hành.

g) Về cơ chế tài chính đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số

Nhằm thực hiện Luật Công nghiệp công nghệ số, dự thảo Nghị định quy định về cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng, phòng thí nghiệm nói chung trong đó bao gồm phòng thí nghiệm cho công nghiệp công nghệ số; cơ chế tài chính thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, bao gồm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo cho công nghệ số; chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu và phát triển, trong đó có nghiên cứu và phát triển cho lĩnh vực công nghệ số.

h) Về điều khoản thi hành:

- Các điều 13 và 14 của Nghị định này có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp được thông qua tại Kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khóa XV quy định: “1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.”

- Nghị định này thay thế Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

- Bãi bỏ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia; Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công

nghe Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ.

- Bãi bỏ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 08/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Bãi bỏ Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

h) Điều khoản chuyển tiếp:

- Quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia:

+ Nguồn vốn hoạt động của Quỹ theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc nhà nước được sử dụng để chi quản lý và hoạt động, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Nghị định này; Bộ Khoa học và Công nghệ giao Quỹ quản lý, sử dụng nguồn vốn này.

+ Các dự án của Quỹ đang thực hiện trước khi Nghị định này ban hành thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các văn bản khác có liên quan: (i) Gốc, lãi thu về hàng năm của các dự án được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc nhà nước để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Nghị định này; (ii) Xử lý tài sản và kinh phí chưa thu hồi của các nhiệm vụ được tài trợ theo quy định hiện hành.

- Quy định về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia: Đối với các khoản đóng góp từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước đã nộp về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 11 Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 và các khoản lãi phát sinh, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia thực hiện nộp ngân sách nhà nước.

VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH, SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế cũng như cam kết quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia, các nội dung dự kiến sửa đổi tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp, tính tương thích với các điều ước quốc tế cũng như cam kết quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc tham gia.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

- Về bảo đảm nguồn nhân lực: cán bộ, công chức hiện có có năng lực, trình độ trong tổng biên chế được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Về bảo đảm nguồn kinh phí: Kinh phí bảo đảm thực hiện các hoạt động đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN do NSNN cấp theo quy định của pháp luật về NSNN theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra mục tiêu đến năm 2030; kinh phí huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm cho việc thực hoạt động đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH,CN&ĐMST phải đúng mục đích, nội dung, chế độ và định mức chi theo quy định của pháp luật về các chế độ chi tiêu tài chính.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và Bảng tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&CN: Vụ Pháp chế, Vụ CN, VP Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo**NGHỊ ĐỊNH****Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với
hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;**Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024, sửa đổi, bổ sung
ngày tháng năm 2025;**Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, sửa
đổi, bổ sung ngày tháng năm 2025;**Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;**Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;**Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối
với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều 15, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68 và 69 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; về nội dung chi, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; về chi phí của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu, phát

triển và đổi mới sáng tạo; về cơ chế tài chính đối với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung; về xác định điều kiện và tiêu chí sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi trong đấu thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Chương II **ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ** **VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Mục 1 **NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 3. Kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm (sau đây gọi là kế hoạch tổng thể 05 năm) được lập trong thời hạn 05 năm cùng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm. Kế hoạch tổng thể 05 năm xác định mục tiêu tổng quát; mục tiêu cụ thể về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 05 năm; các định hướng lớn về trọng tâm đầu tư phát triển; cơ cấu chi ngân sách nhà nước về chi đầu tư và chi thường xuyên cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tổ chức thực hiện các chính sách, nhiệm vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Đối tượng lập kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng và ban hành kế hoạch tổng thể 05 năm của Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên

quan khác ở địa phương xây dựng kế hoạch tổng thể 05 năm của tỉnh, thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch tổng thể 05 năm quốc gia, bộ, ngành, địa phương bao gồm:

- a) Kết quả thực hiện kế hoạch giai đoạn trước;
- b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, địa phương; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực;
- c) Dự báo xu hướng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước, quốc tế, đặc biệt là công nghệ chiến lược;
- d) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, địa phương.

3. Nội dung kế hoạch tổng thể 05 năm quốc gia, bộ, ngành, địa phương bao gồm:

- a) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tổng thể 05 năm quốc gia, bộ, ngành, địa phương giai đoạn trước;
- b) Mục tiêu tổng quát của kế hoạch tổng thể 05 năm quốc gia, bộ, ngành, địa phương;
- c) Mục tiêu trọng tâm và cụ thể về hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và đầu tư để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chính cho tăng trưởng bền vững; xây dựng và phát triển hệ thống nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường năng lực công nghệ đặc biệt là năng lực công nghệ chiến lược; tăng cường liên kết công - tư, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và mở rộng vai trò của khu vực tư nhân trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; phát triển khoa học và công nghệ hướng tới con người và xã hội;
- d) Chính sách, giải pháp và nhiệm vụ cụ thể để thực hiện các mục tiêu, đặc biệt chính sách và nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược căn cứ vào dự báo xu hướng công nghệ toàn cầu và lợi thế cạnh tranh của quốc gia, địa phương;
- đ) Giải pháp huy động nguồn lực xã hội, định hướng cơ cấu giữa nguồn lực xã hội và cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Trình tự, thời hạn và trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể 5 năm:

- a) Trình tự lập kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm quốc gia:

Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ tư của kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm quốc gia giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn sau;

Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn trước, căn cứ báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn sau đã trình Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm quốc gia giai đoạn sau báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

Trước ngày 20 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm quốc gia giai đoạn trước, căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh và ban hành kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm quốc gia giai đoạn sau để báo cáo Chính phủ.

b) Trình tự lập kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Trước ngày 15 tháng 5 năm thứ tư của kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn trước, căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn sau, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, ngành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau;

Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn trước, Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, ngành, địa phương xin ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ;

Trước ngày 30 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn trước, Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện và ban hành kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của địa phương gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Điều chỉnh kế hoạch tổng thể 5 năm được thực hiện trong các trường hợp:

a) Có thay đổi lớn về chiến lược quốc gia, chính sách phát triển hoặc mục tiêu tài chính - ngân sách;

b) Xuất hiện khủng hoảng, thiên tai, dịch bệnh lớn hoặc đột phá công nghệ có tác động căn bản;

- c) Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền;
- d) Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Khoa học và Công nghệ kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh chậm nhất 30 ngày kể từ khi ban hành.

6. Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch tổng thể 5 năm:

- a) Kế hoạch được giám sát, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ theo hệ thống chỉ số do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành;
- b) Kết quả đánh giá là căn cứ để điều chỉnh chính sách, phân bổ ngân sách và bố trí đầu tư công giai đoạn tiếp theo.

Điều 4. Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phân bổ dựa trên Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm quốc gia và các chiến lược, chương trình. Việc phân bổ ngân sách phải gắn kết với mục tiêu của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và được thực hiện theo nguyên tắc hiệu quả, minh bạch, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp.

2. Ngân sách nhà nước được phân bổ theo các nguyên tắc sau:

- a) Kết hợp phân bổ theo lĩnh vực công nghệ chiến lược quốc gia và theo bộ, ngành, địa phương thực hiện;
- b) Gắn với hệ thống chỉ số kết quả đầu ra cho từng chương trình, nhiệm vụ;
- c) Ưu tiên tài trợ theo chương trình có mục tiêu rõ ràng, kết quả cụ thể, có khả năng thương mại hóa và lan tỏa công nghệ;
- d) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch phân bổ ngân sách.

3. Căn cứ các chiến lược, chương trình quy định tại khoản 1 Điều này và kế hoạch tổng thể khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia 05 năm, kế hoạch tổng thể 05 năm của bộ ngành, địa phương, cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xác định hằng năm thông qua quá trình lập kế hoạch và phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này. Cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hạng mục như sau:

- a) Chi cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và các giải pháp khoa học - công nghệ phục vụ phát triển bền vững;

b) Chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược và công nghệ ưu tiên;

c) Chi phát triển, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, bao gồm hỗ trợ lãi suất vay, cùng đầu tư theo hình thức hợp tác công tư, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển và làm chủ công nghệ;

d) Chi đầu tư hạ tầng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, gồm phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm công nghệ, nền tảng dùng chung;

đ) Chi tài trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, nâng cao năng lực doanh nghiệp;

e) Chi đầu tư và hỗ trợ hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công;

g) Chi phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, hệ thống thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Chi hợp tác quốc tế, tham gia mạng lưới và chương trình khu vực, toàn cầu;

i) Chi cho nhiệm vụ thí điểm, đột xuất theo yêu cầu của Đảng, Nhà nước.

4. Cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên. Tổng cơ cấu chi được xác định theo tỷ lệ phần trăm và bảo đảm 100% phân bổ theo các nhóm nội dung tại khoản 3 Điều này. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định tỷ lệ phân bổ cụ thể hằng năm.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính căn cứ kế hoạch tổng thể và khả năng cân đối ngân sách để xây dựng phương án phân bổ ngân sách 05 năm và hằng năm, gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Các bộ, ngành, địa phương, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin phân bổ, giải ngân và kết quả đầu ra trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ công khai hằng năm tình hình phân bổ, giải ngân và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước của các bộ, ngành, địa phương, kèm theo các khuyến nghị điều chỉnh (nếu có).

8. Chương trình, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước phải xác định rõ chỉ số đánh giá, lộ trình thực hiện và cam kết kết quả đầu ra. Kết quả đánh giá là căn cứ điều chỉnh kế hoạch ngân sách và xem xét trách nhiệm giải trình của cơ quan sử dụng ngân sách.

9. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Tài chính công khai thông tin về phân bổ và hiệu quả ngân sách hằng năm trên Cổng thông tin điện tử.

Điều 4. Nội dung ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các nội dung sau:

a) Thực hiện dự án xây dựng mới; dự án cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án; dự án đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công bao gồm: dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ; phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; trạm, trại thực nghiệm; thư viện chuyên ngành, bảo tàng chuyên ngành, phòng tiêu bản, phòng trưng bày, phòng lưu giữ mẫu; cơ sở phân tích, thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ; tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, năng lượng hạt nhân và các loại hình năng lượng mới, an toàn bức xạ và hạt nhân, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo;

b) Thực hiện dự án xây dựng mới; dự án cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án; dự án đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công cho đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển;

c) Xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung;

d) Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Xây dựng cơ sở nghiên cứu, thiết kế sản phẩm; phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung quốc gia;

e) Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc đối tượng đầu tư công theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao.

3. Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm dùng chung để phát triển công nghệ chiến lược;

b) Cùng với doanh nghiệp triển khai dự án công nghệ chiến lược theo phương thức đối tác công tư;

c) Đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu, thiết kế; phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung quốc gia;

4. Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Các nhiệm vụ đầu tư khác đột xuất theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước.

Điều 5. Nội dung ngân sách nhà nước chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, tuyển chọn, tài trợ và hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp;

b) Chi cho hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi hỗ trợ nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật trong nước và quốc tế; chi hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng công nghệ cho doanh nghiệp; chi hỗ trợ lãi suất vay của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

c) Chi mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, bí quyết công nghệ;

d) Chi thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài;

đ) Kinh phí tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương hoặc giao cho các đơn vị dự toán cấp 1 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.

2. Chi cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập:

a) Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công

nghệ công lập;

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập ngoài phạm vi dự toán thường xuyên quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Kinh phí chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cho các tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Kinh phí chi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của cấp có thẩm quyền;

đ) Chi vận hành, duy trì, bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm đảm bảo duy trì công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của tài sản công của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

e) Chi thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

g) Chi thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành;

h) Các khoản chi thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm đảm bảo hoạt động thường xuyên và nhiệm vụ cần thiết khác theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Các khoản chi nhằm bảo đảm và duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và trung tâm khởi nghiệp sáng tạo là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4. Kinh phí chi hoạt động quản lý của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương.

5. Kinh phí chi phục vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới

sáng tạo:

a) Các khoản chi cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả và chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Các khoản chi cho mua sắm trang thiết bị, giải pháp công nghệ thông tin, công nghệ số, cơ sở dữ liệu bao gồm cả các hệ thống hỗ trợ ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kết nối internet vạn vật phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Chi thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ cho các cơ quan nhằm đảm bảo công tác quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ cần thiết khác theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

d) Chi cho các hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Chi tổ chức đánh giá sau nghiệm thu đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chi hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, nhận chuyển giao và khai thác quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và ngoài nước hoặc in thành sách, chương sách được nhà xuất bản có uy tín xuất bản.

7. Chi hỗ trợ các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

8. Chi cho đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nghiên cứu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở trong nước và nước ngoài.

9. Chi cho tuyên truyền, phổ biến kiến thức, truyền thông, hoạt động thông tin và thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; khen thưởng, giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

10. Chi cho các hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; khảo sát tìm kiếm các thông tin về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các nguồn cung ứng công nghệ ở nước ngoài; tham gia các hoạt động, sự kiện, diễn đàn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc tế; niên liễm tham gia các tổ chức quốc tế về khoa học và công nghệ; vốn đối ứng các dự án quốc tế về khoa học và công nghệ; bảo đảm hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài.

11. Chi thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút, sử dụng, đãi ngộ cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

12. Các khoản chi có liên quan khác.

Điều 6. Kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đề xuất kế hoạch tài chính 05 năm cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Bộ, ngành, địa phương, căn cứ kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ 05 năm của quốc gia, bộ, ngành, địa phương, lập kế hoạch tài chính 05 năm cùng với thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu kỳ kế hoạch để thực hiện mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia, ngành và địa phương; cân đối, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính công và ngân sách nhà nước trong trung hạn; thúc đẩy việc công khai, minh bạch ngân sách nhà nước; làm cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước; và định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;

b) Trên cơ sở kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm của bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp và đề xuất kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đề xuất kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Căn cứ quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, ngành, cơ quan Chính phủ và theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 7 của Nghị định này, các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ lập nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và đề xuất nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ gửi Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Căn cứ quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, ngành, cơ quan Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Khoa học và Công nghệ nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của địa phương chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và đề xuất nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các địa phương và gửi Bộ Tài chính để tổng hợp theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Kế hoạch, lập dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm

1. Đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm

a) Bộ Khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm đề xuất cơ cấu, tỷ lệ phân bổ dự toán chi đầu tư và chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại Điều 10 của Nghị định này;

b) Căn cứ vào hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của năm kế hoạch tiếp theo;

c) Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính;

d) Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự

toán ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính;

đ) Căn cứ vào khả năng đáp ứng của ngân sách nhà nước trung ương và ngân sách địa phương, nhu cầu thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ của năm trước liền kề của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm của quốc gia gửi đến Bộ Tài chính để tổng hợp, lập, trình Chính phủ dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Lập dự toán chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về kế hoạch và dự toán hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây gọi là bộ, cơ quan Trung ương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là địa phương) xây dựng dự toán kinh phí chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm gửi cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ) để rà soát, tổng hợp, trong đó:

a) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm cả chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo dự kiến triển khai trong năm kế hoạch được lập như sau:

Lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chuyên tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới;

Dự toán ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới hằng năm được xây dựng trên cơ sở dự kiến số lượng nhiệm vụ mở mới của năm kế hoạch, kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ đã được mở mới trong năm trước năm lập kế hoạch và ước kinh phí tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát;

Công thức xác định Dự toán ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới hằng năm như sau:

- m: Số lượng nhóm loại hình nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- S_i : Số nhiệm vụ dự kiến mở mới trong nhóm thứ i ($i = 1$ đến m)
- K_i : Kinh phí trung bình theo năm cho một nhiệm vụ trong nhóm thứ i

Công thức tổng quát tính tổng kinh phí dự toán ngân sách (T):

$$T = \sum_{i=1}^m (S_i \times K_i) \text{ với } i = 1 \text{ đến } m$$

b) Việc lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện năm đầu tiên của giai đoạn ổn định ngân sách 3 năm trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến do cơ quan chủ quản xác định và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện, có tính đến điều kiện năng lực nhân lực, cơ sở vật chất và lĩnh vực chuyên môn của tổ chức;

Việc lập dự toán giai đoạn năm tiếp theo được xác định trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức trong giai đoạn trước liền kề. Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới trên cơ sở số nhiệm vụ dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước, tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Việc lập dự toán kinh phí chi hoạt động quản lý của các quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện hằng năm trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện;

d) Việc lập dự toán kinh phí chi phục vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện hằng năm trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện;

đ) Việc lập dự toán đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 240 tỷ đồng/nhiệm vụ trở lên:

Trường hợp không thể sắp xếp, bố trí hoặc điều chỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao, các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm toàn diện xác định sự cần thiết, mục tiêu và dự toán kinh phí của nhiệm vụ mua sắm sử dụng kinh phí chi thường xuyên, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyên tắc không trùng lặp với các nhiệm vụ có cùng nội dung của đơn vị đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách để đảm bảo hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí đảm bảo đúng quy định và chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ đề xuất.

Các bộ, cơ quan trung ương đề xuất nhiệm vụ và dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị sử dụng nguồn chi thường xuyên lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,

gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để rà soát, tổng hợp, gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương để báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt về chủ trương thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác.

Trên cơ sở quyết định phê duyệt chủ trương thực hiện nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện hàng năm.

Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chịu trách nhiệm về sự cần thiết, sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; chịu trách nhiệm về hồ sơ rà soát để ban hành theo thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tiết kiệm, hiệu quả, không gây lãng phí.

e) Trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ) có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng phương án phân bổ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gửi cơ quan tài chính cùng cấp (Bộ Tài chính, Sở Tài chính);

g) Cơ quan tài chính (Bộ Tài chính, Sở Tài chính) có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước hàng năm;

h) Các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách chịu trách nhiệm về hồ sơ, số liệu báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ) và gửi cơ quan tài chính (Bộ Tài chính, Sở Tài chính).

3. Phân bổ dự toán chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi

mới sáng tạo

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới như sau:

a) Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: ưu tiên phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ dự kiến thực hiện trong năm ngân sách thông qua các quỹ, trong đó:

Kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia được cấp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

Kinh phí hỗ trợ để thực hiện các dự án, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ được cấp về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

Kinh phí tài trợ, hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Bộ, địa phương quản lý được cấp về quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp hàng năm để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, địa phương được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc Nhà nước.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không cấp kinh phí thông qua các quỹ quy định tại điểm a khoản này và các nhiệm vụ chi khác sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ về đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Cơ quan tài chính (Bộ Tài chính, Sở Tài chính) thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tổng số số dự toán chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được giao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp thông qua các quỹ, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này;

b) Đối với kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thuộc quy định tại điểm a khoản này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này và thực hiện thanh toán, chi trả qua Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước hiện hành;

c) Đối với kinh phí sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thuộc điểm a và điểm b khoản này, cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí trong năm ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

5. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán chi thường xuyên cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, về lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện có vi phạm trong quá trình thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Kế hoạch, lập dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Lập dự toán chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm

a) Căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, các chiến lược, chương trình, kế hoạch tổng thể khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, ngành, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn được phê duyệt và khả năng giải ngân, Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan Chính phủ có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch đầu tư công hằng năm, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để rà soát, cân đối và tổng hợp kế hoạch đầu tư công cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác. Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp đề xuất gửi đến Bộ Tài chính để tổng hợp và trình Chính phủ chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm sau cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, các chiến lược, chương trình, kế hoạch tổng thể khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn được phê duyệt và khả năng giải ngân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch đầu tư công cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, gửi về Bộ Tài chính để tổng hợp dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm sau cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Đối với các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này, căn cứ vào quyết định phê duyệt nhiệm vụ, tiến độ giải ngân và kết quả hạng mục công việc đã được kiểm tra, đánh giá, Bộ, ngành có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch chi đầu tư phát triển khác hằng năm, bao gồm danh mục, mức vốn bố trí chi từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, cân đối, tổng hợp dự toán chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm gửi về Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Căn cứ quyết định Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công và kế hoạch chi đầu tư phát triển khác cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều này, gửi về cơ quan tài chính cùng cấp (Bộ Tài chính, Sở Tài chính) để thực hiện kiểm tra theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và các pháp luật khác có liên quan.

4. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt dự án, về lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện các dự án theo quy định tại Nghị định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện có vi phạm trong quá trình thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 9. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nguyên tắc phân bổ chi đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án thuộc các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; năng lượng hạt nhân, nguyên tử; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo, trong đó thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản này;

b) Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

Đầu tư có chọn lọc, tập trung vào các tổ chức khoa học và công nghệ công lập then chốt, trong đó tập trung thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho các trung tâm nghiên cứu, trung tâm thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, đặc biệt là các cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược;

Thư viện chuyên ngành, bảo tàng chuyên ngành, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung trong một số lĩnh vực để phục vụ đào tạo, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo;

Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Vốn đầu tư công được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, chiến lược, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phù hợp với kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ ngành; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành năm; kết quả giải ngân thực hiện kế hoạch vốn cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, ước thực hiện năm liền kề;

d) Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của địa phương và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của năm; kết quả giải ngân thực hiện kế hoạch vốn cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương giai đoạn trước, ước thực hiện năm liền kề;

đ) Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ tối đa 30% tổng mức đầu tư thực hiện các

dự án để phát triển công nghệ chiến lược: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ chuyên biệt trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị cho cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu dùng chung.

2. Tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tài trợ cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Việc phân bổ chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tài trợ cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dựa trên phương thức tính điểm theo cách thức và các tiêu chí như sau:

a) Phân loại nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, phát triển giải pháp phục vụ phát triển kinh tế - xã h.

- Dự án sản xuất thử nghiệm: Hoàn thiện công nghệ, thử nghiệm quy mô thực tế trước khi sản xuất hàng loạt.

- Dự án đổi mới sáng tạo: Thương mại hóa kết quả nghiên cứu; phát triển sản phẩm mới, mô hình mới; nhiệm vụ chuyển giao công nghệ.

b) Quy trình đánh giá và phân bổ ngân sách

- Bước 1: Ban hành danh mục nhiệm vụ định hướng hoặc tiếp nhận đề xuất

- Bước 2: Hồ sơ thuyết minh và dự toán được nộp bởi đơn vị đề xuất

- Bước 3: Tổ chức hội đồng đánh giá

- Bước 4: Hội đồng chấm điểm theo bộ tiêu chí từng loại hình nhiệm vụ

- Bước 5: Xếp hạng, lựa chọn, xác định mức ngân sách phù hợp

- Bước 6: Ra quyết định phê duyệt, ký hợp đồng triển khai nhiệm vụ

c) Bảng tiêu chí đánh giá

- Nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển:

Tiêu chí	Mô tả	Trọng số (%)
Tính cấp thiết	Gắn chiến lược ngành, tính mới	w1
Mục tiêu - phương pháp	Logic, phù hợp, có cơ sở khoa học	w2
Năng lực thực hiện	Chủ nhiệm, tổ chức chủ trì	w3
Tác động khoa học	Bài báo, mô hình lý thuyết, dữ liệu	w4
Dự toán nhiệm vụ	Hợp lý, minh bạch	w5

- Dự án sản xuất thử nghiệm:

Tiêu chí	Mô tả	Trọng số (%)
Tính khả thi công nghệ	Mức độ hoàn thiện công nghệ	w1
Khả năng ứng dụng	Tiềm năng sản xuất, thương mại hóa	w2

Hiệu quả kinh tế - xã hội	Tác động thực tế	w3
Năng lực tổ chức	Kinh nghiệm triển khai, nhân lực	w4
Chi phí - đầu tư	Phù hợp, hiệu quả	w5

- Dự án đổi mới sáng tạo:

Tiêu chí	Mô tả	Trọng số (%)
Tính sáng tạo	Giải pháp mới, mô hình mới	w1
Tác động thị trường	Khả năng tiếp cận, thương mại hóa	w2
Liên kết và đồng tài trợ	Hợp tác với doanh nghiệp, nguồn khác	w3
Hiệu quả kinh tế - xã hội	Tạo việc làm, nâng năng suất...	w4
Chi phí thực hiện	Tối ưu, phù hợp	w5

Trọng số được quy định trước và phải đảm bảo tổng trọng số bằng 1 (hoặc 100%).

Tiêu chí tính điểm và trọng số tính điểm được thay đổi phù hợp với mục tiêu ưu tiên trong phân bổ chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

d) Cách thức tính điểm, tính tổng điểm và phân bổ ngân sách cho từng nhiệm vụ thuộc từng loại nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này được tính theo công thức như sau:

d1) Chấm điểm cho từng đề xuất

Mỗi đề xuất được chấm điểm từ 0 đến 10 (hoặc thang điểm khác nếu quy định) cho mỗi tiêu chí.

Tạo bảng điểm với các biến: x_{ij} là điểm của dự án j với tiêu chí i.

d2) Tính tổng điểm từng đề xuất

Công thức tính điểm tổng S_j của dự án j:

$$S_j = \sum_{i=1}^n (w_i \times x_{ij}) \quad \text{với } i = 1 \text{ đến } n$$

Trong đó:

- n: số tiêu chí

- w_i : trọng số của tiêu chí i

- x_{ij} : điểm của dự án j với tiêu chí i

d3) Phân bổ ngân sách cho từng đề xuất

Giả định tổng ngân sách phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án mở mới là B.

Tổng điểm tất cả dự án:

$$S_{\text{total}} = \sum_{j=1}^m S_j \quad \text{với } j = 1 \text{ đến } m$$

Ngân sách phân bổ cho dự án j:

$$\text{Ngân sách cho đề xuất } j = (S_j / S_{\text{total}}) \times B$$

Trong đó:

- m: tổng số dự án.

Trọng số được quy định trước và phải đảm bảo tổng trọng số bằng 1 (hoặc 100%).

Tiêu chí tính điểm và trọng số tính điểm được thay đổi phù hợp với mục tiêu ưu tiên tài trợ trong phân bổ chi ngân sách nhà nước cho các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Định mức phân bổ ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập:

a) Định mức phân bổ chi thường xuyên cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ ngân sách nhà nước cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, khuyến khích nâng cao hiệu suất nghiên cứu, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của đơn vị thụ hưởng.

b) Bảo đảm phù hợp với quy mô, nhiệm vụ, năng lực thực hiện và kết quả đầu ra của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; kết hợp giữa định mức cố định theo phương án tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công và định mức theo hiệu suất hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; định mức phân bổ gắn với các tiêu chí cụ thể, công khai và có thể đo lường; được điều chỉnh định kỳ theo chu kỳ 3 năm hoặc theo kết quả đánh giá của cơ quan có thẩm quyền; khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa và liên kết công – tư thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa viện, trường và doanh nghiệp.

c) Chi thường xuyên cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phân bổ theo hai cấu phần:

Định mức cố định: chiếm 60% tổng kinh phí chi thường xuyên xác định theo yếu tố đầu vào cơ bản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; được thực hiện tự chủ theo phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Định mức hiệu suất: chiếm 40% tổng kinh phí của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; được tính trên số định mức cố định; phân bổ định mức hiệu suất căn cứ theo kết quả đánh giá hiệu suất hoạt động giai đoạn trước liền kề của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại điểm đ của khoản này;

Việc phân bổ phải bảo đảm minh bạch, công khai và gắn với cơ chế kiểm

tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

d) Nội dung chi thường xuyên xác định theo yếu tố đầu vào cơ bản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:

Chi tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất lương của số lượng nhân sự nghiên cứu, kỹ thuật và quản lý trực tiếp theo số lượng người làm việc tại tổ chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chi bảo trì cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu: tính toán dựa trên diện tích phòng thí nghiệm, nhà xưởng, số lượng và quy mô thiết bị sử dụng.

Chi vận hành chung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: điện, nước, bảo trì hệ thống công nghệ thông tin, an ninh, vệ sinh... tính theo hệ số diện tích sử dụng hiện có.

Chi đào tạo lại, hội nhập quốc tế và công bố khoa học: xác định theo tỷ lệ phần trăm quỹ lương.

Chi cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở nhằm duy trì năng lực nghiên cứu do tổ chức khoa học và công nghệ công lập chủ động tự xác định và thực hiện.

Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới trên cơ sở số nhiệm vụ dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước, tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát.

Công thức xác định Dự toán ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới hằng năm như sau:

- m: Số lượng nhóm loại hình nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- S_i : Số nhiệm vụ dự kiến mở mới trong nhóm thứ i ($i = 1$ đến m)

- K_i : Kinh phí trung bình theo năm cho một nhiệm vụ trong nhóm thứ i

Công thức tổng quát tính tổng kinh phí dự toán ngân sách (T):

$$T = \sum_{i=1}^m (S_i \times K_i) \text{ với } i = 1 \text{ đến } m$$

đ) Kinh phí định mức theo hiệu suất được phân bổ căn cứ vào tổng điểm đánh giá (tối đa 100 điểm), theo tỷ lệ điểm đạt được của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong kỳ đánh giá giai đoạn trước liền kề.

e) Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

g) Nguyên tắc phân bổ ngân sách chi thường xuyên sự nghiệp khoa học,

công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ tổng điểm đánh giá của tổ chức khoa học công nghệ công lập quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung:

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt từ 80–100 điểm: phân bổ đủ 100% định mức cố định xác định theo yếu tố đầu vào cơ bản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập dự kiến và cộng thêm định mức hiệu suất thưởng tương ứng với từng mức điểm đánh giá.

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt từ 60–79 điểm: phân bổ tối đa 100% định mức cố định xác định theo yếu tố đầu vào cơ bản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập dự kiến không vượt quá mức phân bổ dự toán giai đoạn trước liền kề.

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập dưới 60 điểm: phân bổ tối đa 50% định mức cố định xác định theo yếu tố đầu vào cơ bản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập dự kiến hoặc tạm dừng để đánh giá lại theo quy định.

h) Kết quả đánh giá hiệu suất được Bộ Khoa học và Công nghệ cập nhật hàng năm và công khai trên Nền tảng thông tin quản lý khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 10. Điều kiện và tiêu chí sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi trong đấu thầu

1. Các sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi trong đấu thầu nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Được nghiên cứu, phát triển dựa trên công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược, dựa trên công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

b) Có tiêu chuẩn về kỹ thuật, chức năng hoặc hiệu suất tương đương so với các sản phẩm nhập khẩu hiện có;

c) Có tiềm năng ứng dụng thực tế cao trong lĩnh vực dịch vụ công, đồng thời chưa được thương mại hóa rộng rãi tại thị trường Việt Nam;

d) Có khả năng nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ hoặc tiết kiệm chi phí trong vận hành dịch vụ công.

2. Việc xem xét, đánh giá sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi trong đấu thầu căn cứ vào các tiêu chí sau:

a) Mức độ đổi mới sáng tạo;

- b) Tác động xã hội hoặc hiệu quả cải thiện hoạt động dịch vụ công;
- c) Khả năng sản xuất, cung ứng ổn định;
- d) Khả năng thay thế hàng nhập khẩu hoặc hàng hóa phổ thông trong nước;
- e) Mức độ an toàn và tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Các sản phẩm, hàng hóa, công nghệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thỏa mãn tiêu chí quy định tại khoản 2 của Điều này được hưởng ưu đãi trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 11. Đầu tư, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung

1. Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung gọi tắt là phòng thí nghiệm dùng chung là cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật có trang thiết bị kỹ thuật, cho phép nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng chung để phục vụ nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, kiểm chuẩn công nghệ và đào tạo. Phòng thí nghiệm dùng chung bao gồm:

Phòng thí nghiệm sử dụng toàn bộ hoặc một phần do ngân sách đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

Phòng thí nghiệm hiện có của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cơ quan nhà nước cho phép để sử dụng làm phòng thí nghiệm dùng chung;

Phòng thí nghiệm hình thành thông qua thực hiện dự án đầu tư theo phương thức hợp tác công – tư (PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục phê duyệt và hình thức đầu tư phòng thí nghiệm dùng chung

a) Nguyên tắc đầu tư

Ưu tiên sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển kết hợp với vốn tư nhân theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức hợp đồng hợp tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc thực hiện dự án đầu tư công.

Đảm bảo minh bạch, công bằng và hiệu quả sử dụng vốn.

Khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp cùng tham gia đồng tài trợ, đồng khai thác.

b) Trình tự, thủ tục phê duyệt dự án đầu tư phòng thí nghiệm dùng chung:

Việc đầu tư xây dựng mới, mở rộng hoặc nâng cấp phòng thí nghiệm dùng chung phải lập dự án theo quy định pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt và công bố danh sách

phòng thí nghiệm dùng chung.

c) Hình thức góp vốn đầu tư

Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị thiết yếu.

Tổ chức tư nhân có thể góp vốn bằng tiền, tài sản hoặc thiết bị chuyên dụng.

Việc thực hiện góp vốn thông qua ký kết hợp đồng đầu tư, tài trợ hoặc hợp đồng PPP khoa học, công nghệ theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức hợp tác công tư.

3. Quản lý, vận hành và sử dụng phòng thí nghiệm dùng chung

a) Mô hình tổ chức quản lý

Cơ quan quản lý nhà nước không trực tiếp vận hành mà giao cho đơn vị có đủ năng lực (trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp khoa học và công nghệ) để quản lý phòng thí nghiệm dùng chung.

Có thể thành lập Ban quản lý độc lập hoặc giao đơn vị sự nghiệp công lập vận hành phòng thí nghiệm dùng chung.

b) Quy chế hoạt động nội bộ của phòng thí nghiệm dùng chung

Mỗi phòng thí nghiệm phải có quy chế nội bộ quy định rõ quyền và nghĩa vụ các bên tham gia quản lý, vận hành và sử dụng phòng thí nghiệm dùng chung.

Nội dung quy chế hoạt động nội bộ của phòng thí nghiệm dùng chung gồm: chế độ truy cập, biểu phí sử dụng, phân bổ thời gian thiết bị, an toàn vận hành.

c) Truy cập và sử dụng thiết bị tại phòng thí nghiệm dùng chung

Ưu tiên cho các tổ chức đầu tư, góp vốn hoặc cơ quan sở hữu phòng thí nghiệm dùng chung.

Đối tượng khác có thể sử dụng thông qua đăng ký, xét duyệt và ký hợp đồng dịch vụ để truy cập và sử dụng thiết bị tại phòng thí nghiệm dùng chung.

Đảm bảo không phân biệt đối xử, công khai, minh bạch.

4. Quyền sở hữu kết quả nghiên cứu, chia sẻ và bảo mật dữ liệu tại phòng thí nghiệm dùng chung

a) Quyền sở hữu kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu từ phòng thí nghiệm dùng chung do bên nào thực hiện thì bên đó sở hữu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Nếu có sử dụng tài trợ từ ngân sách nhà nước, cơ quan nhà nước có thể yêu cầu chia sẻ quyền đồng sở hữu hoặc quyền sử dụng không độc quyền theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

b) Nghĩa vụ chia sẻ dữ liệu và báo cáo

Các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng phòng thí nghiệm dùng

chung có trách nhiệm báo cáo định kỳ về hoạt động, kết quả sử dụng phòng thí nghiệm trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Các tổ chức, cá nhân sử dụng phòng thí nghiệm dùng chung thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do ngân sách nhà nước tài trợ có nghĩa vụ chia sẻ dữ liệu khi được yêu cầu.

Dữ liệu phải được bảo mật theo quy định pháp luật và các cam kết theo hợp đồng sử dụng phòng thí nghiệm dùng chung và các quy định khác có liên quan.

c) Bảo mật và an toàn thông tin tại phòng thí nghiệm dùng chung

Phòng thí nghiệm dùng chung phải có hệ thống bảo mật kỹ thuật, an toàn thông tin và quy trình kiểm soát truy cập.

Các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng phòng thí nghiệm trọng điểm cấm được thu thập hoặc chia sẻ dữ liệu trái phép.

5. Quản lý tài chính phòng thí nghiệm dùng chung

a) Biểu phí sử dụng

Mức phí sử dụng phòng thí nghiệm dùng chung do đơn vị quản lý phòng thí nghiệm dùng chung công bố trên cơ sở chi phí vận hành và giá trị thiết bị.

b) Hợp đồng hợp tác và cung cấp dịch vụ

Tất cả hoạt động sử dụng, chia sẻ thiết bị hoặc không gian phòng thí nghiệm dùng chung phải được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên có liên quan.

Hợp đồng có thể là hợp đồng hợp tác nghiên cứu, hợp đồng dịch vụ phân tích, hoặc hợp đồng thuê thiết bị.

c) Quản lý và giám sát

Đơn vị quản lý phòng thí nghiệm dùng chung có trách nhiệm công khai tài chính, báo cáo chi tiêu định kỳ với cơ quan cấp trên.

Cơ quan nhà nước có quyền thanh tra, kiểm toán khi cần thiết.

Mục 2

NGUỒN LỰC XÃ HỘI CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 12. Nguồn đầu tư của xã hội cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

2. Chi phí chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

Điều 13. Nội dung chi, quản lý và sử dụng của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp

1. Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp để thực hiện các dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo như sau:

a) Thuê hoặc trả lương chuyên gia trong và ngoài nước theo hình thức toàn bộ thời gian, một phần thời gian, cố vấn hoặc chuyên gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, chuyên gia đào tạo, chuyên gia chuyển giao công nghệ;

Thuê chuyên gia được thực hiện theo hình thức chỉ định. Mức phí thuê chuyên gia được xác định trên nguyên tắc thị trường, căn cứ vào tính chất nhiệm vụ, thời gian thuê, trình độ chuyên môn và mặt bằng thù lao tương đương trong ngành nghề liên quan. Việc xác định mức chi cụ thể do tổ chức, doanh nghiệp quyết định.

Hình thức hợp đồng thực hiện: hợp đồng dịch vụ/hợp đồng cá nhân; hợp đồng khoán gọn theo giai đoạn; hợp đồng hợp tác nghiên cứu có chia sẻ quyền sở hữu.

b) Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để mua sản phẩm, thiết bị nước ngoài để phục vụ phân tích, học hỏi, giải mã với giá thỏa thuận. Sản phẩm, thiết bị sau khi phân tích, giải mã được coi là vật tư tiêu hao và không tính trong giá trị tài sản của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nhà nước được tự chủ lựa chọn, thương thảo và mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị từ nước ngoài.

Việc mua phải phù hợp với mục tiêu, nội dung và phạm vi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt.

Thiết bị, sản phẩm nhập khẩu phải có hồ sơ chứng minh nguồn gốc, chất lượng rõ ràng và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Tuân thủ các quy định về xuất nhập khẩu, sở hữu trí tuệ và an toàn công nghệ.

Doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm toàn diện về tính hiệu quả, hợp pháp của hoạt động mua và sử dụng công nghệ, sản phẩm, thiết bị.

c) Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để mua trực tiếp bí quyết công nghệ. Doanh nghiệp nhà nước được tự chủ lựa chọn, thương thảo, đàm phán và mua trực tiếp bí quyết công nghệ. Việc mua phải phù hợp với mục tiêu, nội dung và phạm vi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt. Doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm toàn diện về tính hiệu quả, hợp pháp của hoạt động mua và sử dụng bí quyết công nghệ;

d) Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài để tiếp cận, làm chủ công nghệ;

đ) Mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển; sáp nhập doanh nghiệp để sở hữu bí quyết công nghệ:

Doanh nghiệp nhà nước được quyền chủ động quyết định việc mua lại, sáp nhập theo chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của mình, bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và định hướng của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Bí quyết công nghệ sở hữu thông qua việc sáp nhập doanh nghiệp, mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển phải phục vụ trực tiếp việc phát triển công nghệ chiến lược. Việc mua lại, sáp nhập theo quy định tại điểm này phải bảo đảm tính minh bạch, phòng chống xung đột lợi ích, chịu trách nhiệm giải trình toàn diện.

Việc mua lại, sáp nhập chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau: dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ trọng điểm được triển khai trên cơ sở nhiệm vụ được Chính phủ, bộ chủ quản giao cho doanh nghiệp nhà nước; có phương án đầu tư rõ ràng, bao gồm phân tích công nghệ, kế hoạch chuyển giao và khai thác hiệu quả bí quyết công nghệ sau khi mua; có ý kiến thống nhất của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với việc sáp nhập doanh nghiệp, mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển;

Việc mua lại tại nước ngoài hoặc mua lại, sáp nhập trong nước được thực hiện thông qua hình thức đàm phán trực tiếp, không bắt buộc đấu thầu hoặc đấu giá;

Doanh nghiệp được quyền chỉ định đơn vị tư vấn, chuyên gia trong và ngoài nước để hỗ trợ quá trình thẩm định, đàm phán;

Giá trị tài sản, thiết bị, bí quyết công nghệ thu được sau khi mua lại không bắt buộc hạch toán là tài sản cố định, có thể được ghi nhận là chi phí nghiên cứu phát triển và tiêu hao công nghệ, nếu phục vụ cho giải mã hoặc tích lũy tri thức và giao Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung quy định này.

2. Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 66 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

a) Doanh nghiệp nhà nước sử dụng Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mua bán, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải ban hành quy chế quản lý nội bộ. Quy chế quản lý nội bộ quy định về nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp, thẩm quyền và giám sát báo cáo về mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

b) Nguyên tắc để mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: công khai, minh bạch, quản lý rủi ro tài chính và công nghệ, có biện pháp phòng ngừa xung đột lợi ích; tuân thủ giới hạn rủi ro đầu tư đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển khoa học, công nghệ hằng năm; tuân thủ quy trình nội bộ về thẩm định, phê duyệt, ký kết và giám sát báo cáo;

c) Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư là: doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có đăng ký kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam; có sản phẩm/dịch vụ đổi mới sáng tạo, có tiềm năng tăng trưởng nhanh; có khả năng tạo ra lợi ích tài chính hoặc chiến lược phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp nhà nước;

d) Hồ sơ đề xuất chủ trương để mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo gồm các nội dung chính: mô tả về dự án khởi nghiệp sáng tạo/doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; mục tiêu mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư; đề xuất mức mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư; phân tích sơ bộ rủi ro và lợi ích;

đ) Việc mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải thực hiện thẩm định nội bộ hoặc thuê đơn vị độc lập để đánh giá các rủi ro: công nghệ (tính khả thi); thị trường (tiềm năng và cạnh tranh); tài chính (dòng tiền, chi phí, lợi nhuận). Kết quả thẩm định là căn cứ bắt buộc trước khi phê duyệt đầu tư, mua lại, sáp nhập hoặc cùng đầu tư doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

e) Quyết định phê duyệt mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo do Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định trên cơ sở: kết quả thẩm định; đề xuất mức mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư; so sánh với ngưỡng rủi ro và tổng mức rủi ro được phê duyệt;

g) Việc ký kết hợp đồng mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải đảm bảo: có điều khoản thoái vốn hoặc xử lý tổn thất rõ ràng; có quy định ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về thực hiện đúng cam kết;

h) Cơ chế giám sát, đánh giá và báo cáo đối với hoạt động mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:

Thiết lập cơ chế theo dõi định kỳ (hàng quý hoặc 6 tháng) đối với: hoạt động của dự án khởi nghiệp sáng tạo/ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hiệu quả tài chính; các dấu hiệu rủi ro phát sinh.

Xây dựng và ban hành quy trình xử lý rủi ro/tổn thất khi xuất hiện: dừng đầu tư; rút vốn; chuyển đổi hình thức hợp tác.

Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước; cơ quan tài chính có thẩm quyền (nếu cần).

Doanh nghiệp nhà nước sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư phải thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm đối với: danh mục đầu tư; báo cáo tài chính liên quan; kết quả thực hiện các cam kết.

3. Trực tiếp thực hiện, đặt hàng hoặc thuê thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

4. Tổ chức nghiên cứu, thuê nghiên cứu tại nước ngoài không phải thông qua dự án đầu tư.

5. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp:

a) Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp: Xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp và thống kê về hoạt động khoa học và công nghệ; chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ; chi khác phục vụ phát triển khoa học và công nghệ; các hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

b) Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; giống cây trồng; kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

c) Mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

d) Chi đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

đ) Chi cho hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài: Hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong nước và ngoài nước; chi phí cho các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung theo lĩnh vực khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên;

e) Chi cho nghiên cứu, xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá, thử nghiệm, giám định, kiểm định, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

6. Chi quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

7. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Các khoản chi từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp phải có chứng từ theo quy định của quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ.

8. Hàng năm doanh nghiệp, phải lập báo cáo việc trích, sử dụng Quỹ, gửi đến cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính. Thời hạn nộp cùng thời điểm nộp báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

9. Doanh nghiệp có thể điều chuyển nguồn giữa các quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo các hình thức sau:

- a) Giữa tổng công ty với các doanh nghiệp thành viên và ngược lại;
- b) Giữa công ty mẹ với công ty con và ngược lại.

10. Việc điều chuyển và tỷ lệ điều chuyển nguồn giữa các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ với các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp thành viên, công ty con và ngược lại do chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên hoặc tổng giám đốc, giám đốc (người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp) quyết định trên cơ sở tỷ lệ trích Quỹ theo quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, nhu cầu đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ tại các doanh nghiệp thành viên và nhu cầu, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của toàn hệ thống.

11. Trong thời hạn 5 năm, kể từ khi trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

12. Đối với các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện, hiến, tặng (nếu có).

13. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng còn lại, chưa sử dụng hết thì doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp tiếp tục được sử dụng để thực hiện các nội dung chi của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, không phải nộp ngân sách nhà nước.

Điều 14. Chi phí của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo

1. Chi phí chi trực tiếp thực hiện, thuê, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo được tính vào chi phí để trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật về thuế bao gồm:

a) Chi phí nhân sự thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp có tính chất lương cho các nhà nghiên cứu, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Chi phí trực tiếp phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ bao gồm: chi phí vật liệu, nhiên liệu và điện năng phục vụ trực tiếp hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi phí phát triển và sản xuất thiết bị và khuôn mẫu dùng cho thử nghiệm và thí nghiệm; chi phí mẫu và nguyên mẫu không là tài sản cố định và chi phí cho các giải pháp thử nghiệm chung; phí kiểm tra sản phẩm thử nghiệm; chi phí bảo trì, hiệu chỉnh thiết bị, thử nghiệm và chi phí thuê thiết bị nghiên cứu;

c) Chi phí khấu hao tài sản phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: khấu hao máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm dùng cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và thử nghiệm; chi phí khấu hao tài sản vô hình là phần mềm, bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

d) Chi phí thử nghiệm và kiểm định bao gồm: chi phí dịch vụ đo lường, thử nghiệm sản phẩm, hiệu chuẩn thiết bị; chi phí thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm ngoài doanh nghiệp;

đ) Chi phí sở hữu trí tuệ bao gồm: lệ phí đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bản quyền phần mềm; phí duy trì và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; chi phí thuê chuyên gia viết mô tả sáng chế, luật sư sở hữu trí tuệ;

e) Chi phí chuyển giao và tiếp nhận công nghệ bao gồm: chi phí mua công nghệ, phần mềm, bằng độc quyền sử dụng; chi phí chuyển giao công nghệ từ viện nghiên cứu, trường đại học;

g) Chi phí dịch vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới công nghệ bên ngoài theo hợp đồng thuê ngoài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới công nghệ hoặc nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới công nghệ với viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ;

h) Chi phí liên quan đến đổi mới quy trình, sản phẩm bao gồm: chi phí thiết kế mẫu thử, mô hình sản phẩm mới; chi phí thử nghiệm quy trình sản xuất mới; chi phí tư vấn cải tiến mô hình kinh doanh;

i) Chi phí quản lý và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: chi phí quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

k) Chi phí gắn trực tiếp và hợp lý với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được ghi nhận;

l) Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo phải có mục tiêu nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ mới, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ không phải là chi phí sản xuất, chi phí tiếp thị;

m) Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp các thông tin liên quan đến việc thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ngay khi triển khai thực hiện hoạt động này, bao gồm: đề xuất nội dung hoạt động và ngân sách dự kiến chi phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghị quyết của doanh nghiệp (có liên quan); nhân lực dự kiến/thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; báo cáo giải trình tiến độ và báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; hợp đồng và các thỏa thuận có liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tài trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các nội dung như sau:

a) Đối tượng nhận tài trợ quy định tại khoản này bao gồm: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của pháp luật; chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức có chức năng huy động tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Hồ sơ xác định khoản chi tài trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: Biên bản xác nhận tài trợ hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là bên tài trợ và đại diện của bên nhận tài trợ (trong trường hợp là doanh nghiệp); có chữ ký của bên nhận tài trợ trong trường hợp là chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân; kèm theo hóa đơn, chứng từ của khoản tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật;

c) Bên nhận tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của khoản tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi

mới sáng tạo đã tiếp nhận. Trường hợp sử dụng sai mục đích của khoản tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này nếu có đủ hóa đơn, chứng từ. Các khoản chi dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp bao gồm:

a) Toàn bộ các chi phí phát sinh để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ghi nhận là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp có tính chất lương cho nhân công tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi phí trực tiếp phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi phí thuê, sử dụng các kết quả nghiên cứu; chi phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; chi phí khấu hao hoặc chi phí thuê máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm, nhà xưởng sử dụng trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi phí sản xuất thử nghiệm trên quy mô công nghiệp trước khi thương mại hóa; chi phí đào tạo nhân lực cho công nghệ mới ở trong nước và ngoài nước; chi phí tư vấn và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

b) Toàn bộ các chi phí phát sinh phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo được ghi nhận là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp có tính chất lương cho nhân công tham gia thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo; chi phí thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng các dịch vụ đổi mới sáng tạo, không gian số, hỗ trợ trực tuyến; chi phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ, kiểm thử sản phẩm; chi phí tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở trong nước và ngoài nước; chi phí tham gia các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước và ngoài nước;

c) Chi phí thuê nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Hồ sơ xác định khoản chi thuê nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo bao gồm: Hợp đồng thuê; biên bản bàn giao, nghiệm thu sản phẩm, thanh lý hợp đồng kèm theo các tài liệu, hóa đơn, chứng từ có liên quan.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý và giám sát các nội dung quy định tại Điều này.

Chương IV

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 15. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: tiền thù lao cho các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiêu chí xác định chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp cho quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

11. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, dự toán, nội dung chi và định mức chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học.

Điều 16. Khoản chi trong thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện khoản chi đối với khoản chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Đối với khoản chi từng phần theo nội dung nghiên cứu, trừ kinh phí chi mua tài sản được trang bị để triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, thuê dịch vụ thuê ngoài chưa có tiêu chuẩn, định mức và đoàn đi công tác nước ngoài, các nội dung chi sau được phép áp dụng cơ chế khoán chi:

- a) Chi công lao động, thù lao thực hiện nhiệm vụ;
- b) Chi nguyên vật liệu, vật tư tiêu hao;
- c) Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước;
- d) Chi thuê dịch vụ khoa học kỹ thuật có tiêu chuẩn, định mức và đơn giá;
- đ) Chi hội thảo, khảo sát, điều tra, thu thập số liệu phục vụ nhiệm vụ;
- e) Chi công bố kết quả nghiên cứu, sở hữu trí tuệ;
- g) Chi quản lý nhiệm vụ tại tổ chức chủ trì;
- h) Các khoản chi khác phù hợp với tính chất nhiệm vụ và được cơ quan thẩm định chấp thuận.

2. Cách xác định mức khoán

- a) Mức khoán chi căn cứ vào:
 - Dự toán kinh phí đề xuất tại thuyết minh nhiệm vụ;
 - Đánh giá của Hội đồng khoa học và tổ thẩm định;
 - Mức chi theo tiêu chuẩn, định mức, đơn giá hiện hành;
 - Cam kết của tổ chức chủ trì về sản phẩm và chất lượng đầu ra (đối với hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng).

b) Kinh phí khoán được xác định theo từng nội dung chi phù hợp, tổng hợp thành mức khoán tổng thể cho nhiệm vụ.

3. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm lập hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm:

- a) Thuyết minh nhiệm vụ có nội dung đề xuất thực hiện theo cơ chế khoán chi;
- b) Dự toán kinh phí chi tiết kèm theo phương án xác định mức khoán;

c) Cam kết sản phẩm cuối cùng với các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (đối với khoán chi đến sản phẩm cuối cùng).

Hồ sơ được nộp cho cơ quan quản lý nhiệm vụ để tổ chức thẩm định và đánh giá tính khả thi theo quy định.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng khi tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có cam kết về sản phẩm của nhiệm vụ với chỉ tiêu chất lượng chủ yếu cần đạt được.

5. Đối với khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, cam kết sản phẩm là cơ sở để đánh giá kết quả và thanh quyết toán nhiệm vụ bao gồm:

- a) Mô tả sản phẩm của nhiệm vụ;
- b) Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu, định lượng rõ ràng;
- c) Thời hạn hoàn thành.

Cam kết sản phẩm do người đứng đầu tổ chức chủ trì ký, chịu trách nhiệm toàn diện.

6. Trên cơ sở dự toán kinh phí tại thuyết minh nhiệm vụ do tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng, cơ quan có thẩm quyền thẩm định và quyết định kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ xác định mức kinh phí khoán đối với các nội dung chi được khoán.

Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt nhiệm vụ, ghi rõ: mức kinh phí khoán; nội dung được phép khoán chi; cam kết sản phẩm đầu ra (đối với khoán chi đến sản phẩm cuối cùng).

7. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được chuyển một lần hoặc theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

Kinh phí chi cho công lao động phải nhập vào nguồn thu của tổ chức chủ trì để trả cho cá nhân trực tiếp tham gia nhiệm vụ, hỗ trợ nhiệm vụ và những nội dung thuê khoán chuyên môn khác, trừ những khoản chi cho cá nhân không thuộc tổ chức chủ trì.

Đối với khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự quyết định điều chỉnh giữa các khoản mục chi, nội dung chi, quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận; không phải quyết toán chi tiết theo từng khoản mục, nội dung chi, quyết toán tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mục chi khoán khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm cuối cùng.

Đối với khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được điều chỉnh các nội dung chi trong cùng loại hình chi, được

quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận.

8. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc sử dụng kinh phí khoán. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm; lưu trữ chứng từ và chịu trách nhiệm giải trình khi cơ quan chức năng yêu cầu.

9. Cơ quan quản lý có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung khoán chi và mức kinh phí khoán; theo dõi tiến độ thực hiện, kiểm tra đột xuất khi cần; đánh giá kết quả nghiệm thu dựa trên sản phẩm cam kết; xử lý vi phạm theo quy định nếu tổ chức chủ trì không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 17. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ thông qua quỹ phát triển khoa học và công nghệ bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm:

a) Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để quản lý việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và áp dụng công khai, minh bạch;

b) Sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm;

c) Thanh toán với cơ quan, đơn vị được giao quản lý kinh phí, cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

d) Hồ sơ, chứng từ thanh toán gồm:

- Hợp đồng;

- Đối với kinh phí khoán chi: Bảng kê xác định khối lượng công việc hoàn thành gồm các nội dung công việc đã hoàn thành và kinh phí đã sử dụng tương ứng được Chủ nhiệm nhiệm vụ, Kế toán trưởng và Thủ trưởng tổ chức chủ trì xác nhận;

- Đối với kinh phí không khoán chi: Bảng kê xác định khối lượng công việc hoàn thành gồm các nội dung công việc đã hoàn thành và kinh phí đã sử dụng tương ứng được Chủ nhiệm nhiệm vụ, Kế toán trưởng và Thủ trưởng tổ chức chủ trì xác nhận; Hồ sơ, chứng từ minh chứng việc sử dụng kinh phí hợp lý, hợp pháp;

- Biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoàn thành trong năm ngân sách);

đ) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chịu trách nhiệm về hồ sơ lập dự toán kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh

phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm đúng quy định của pháp luật; lưu trữ hồ sơ của nhiệm vụ, tài liệu minh chứng việc sử dụng kinh phí; chịu trách nhiệm về việc bảo đảm chứng từ hợp lý, hợp pháp và sẵn sàng giải trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

e) Việc sử dụng kinh phí sai mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hành vi vi phạm khác làm thất thoát ngân sách nhà nước, ngoài việc bị thu hồi kinh phí còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị hiện có được giao quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ có trách nhiệm:

a) Xây dựng Quy chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gửi cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính cấp trên;

b) Thanh toán kinh phí cho các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Quy chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và theo tiến độ;

c) Kiểm tra hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và lập chứng từ chuyên tiền gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản để thanh toán tiền từ tài khoản tiền gửi của quỹ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Tổ chức kiểm tra, đánh giá để bảo đảm việc sử dụng kinh phí của các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đúng mục đích, yêu cầu và tiến độ giải ngân;

đ) Xem xét, quyết định việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở đảm bảo tiến độ thời gian lập và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan chủ quản thực hiện xét duyệt quyết toán và tổng hợp quyết toán gửi Bộ Tài chính. Kinh phí thuê kiểm toán độc lập được bố trí trong nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ quan, đơn vị.

3. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tùy theo tình hình thực tế để quyết định việc giao quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ cho đơn vị hiện có trong hệ thống tổ chức của mình để thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ không phát sinh cơ quan, đơn vị mới, không tăng biên chế hưởng lương ngân sách. Đơn vị này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị quản lý Quỹ bảo đảm việc giải ngân và sử dụng ngân sách nhà nước cấp đúng tiến độ và hiệu quả.

5. Đánh giá hiệu quả hoạt động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thực hiện như sau:

a) Định kỳ hàng năm thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của quỹ trên cơ sở các kết

quả tài trợ, hỗ trợ, giải ngân của quỹ và chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quốc gia, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan chủ quản;

b) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tự đánh giá hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện đánh giá độc lập để đánh giá hiệu quả hoạt động của quỹ. Kinh phí thực hiện việc đánh giá từ nguồn kinh phí chi thường xuyên cho sự nghiệp khoa học và công nghệ.

CHƯƠNG V

QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 18. Địa vị pháp lý, chức năng của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tại các ngân hàng trong nước. Quỹ có trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội, văn phòng đại diện ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác.

Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng tài trợ, hỗ trợ kinh phí, đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

Tên giao dịch quốc tế của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia là National Foundation for Science and Technology Development, viết tắt là NAFOSTED.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

1. Tiếp nhận các nguồn kinh phí của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Quỹ thực hiện tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn ngoài ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động quản lý của quỹ thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp, hiến, tặng (nếu có) và theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

2. Tổ chức thực hiện tài trợ đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, bao gồm:

a) Công bố các định hướng ưu tiên, nội dung, yêu cầu và thể thức cụ thể để tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia đề nghị Quỹ tài trợ, hỗ trợ.

b) Tổ chức việc xét chọn, thực hiện tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

c) Kiểm tra, đánh giá về việc tổ chức thực hiện đối với các nội dung chuyên môn, việc quản lý và sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia được Quỹ tài trợ, hỗ trợ.

d) Tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ tài trợ, hỗ trợ.

e) Tạm dừng, đình chỉ, chấm dứt tài trợ hoặc trình cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc tài trợ, hỗ trợ, hoặc thu hồi kinh phí đã tài trợ, hỗ trợ, khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức thực hiện cấp kinh phí đối với các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia theo phân công và quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Quản lý tổ chức và cán bộ của Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức nghiên cứu, tham mưu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch trung hạn, định hướng ưu tiên, các quy định khác đảm bảo quản lý và triển khai tài trợ, hỗ trợ của Quỹ hiệu quả.

8. Ban hành Quy chế hoạt động và các quy định khác phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

9. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, tổ chức quốc tế về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 20. Nguyên tắc tài trợ, hỗ trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

1. Quỹ công bố công khai các quy định quản lý, thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký và kết quả tài trợ, hỗ trợ của Quỹ; tổ chức xét chọn tài trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ dân chủ, bình đẳng thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ do Quỹ thành lập và ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập (trong các trường hợp cần thiết); tổ chức xem xét hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia theo các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Quỹ thực hiện quản lý chất lượng nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế, đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu đối với các nghiên cứu do Quỹ tài trợ. Quỹ không xem xét tài trợ đối với các nghiên cứu được xác định đang thực hiện bằng nguồn kinh phí khác.

3. Quỹ tài trợ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và tương đương (có ý nghĩa tầm quốc gia hoặc liên ngành, vùng) do tổ chức, cá nhân đề xuất hoặc do cơ quan có thẩm quyền đặt hàng.

Điều 21. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và Ban Kiểm soát Quỹ.

1. Hội đồng quản lý Quỹ

a) Hội đồng quản lý Quỹ có 7 hoặc 9 thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng là các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, có trình độ, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách (trong trường hợp cần thiết và không làm tăng biên chế hưởng lương ngân sách) theo nhiệm kỳ 5 năm.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

b1) Quyết định phương hướng và kế hoạch hoạt động, chiến lược, kế hoạch trung hạn, định hướng ưu tiên của Quỹ trên cơ sở các định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước;

b2) Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ để tư vấn chuyên môn cho Quỹ.

b3) Phê duyệt chương trình, đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ và kinh phí do Quỹ tài trợ; nhiệm vụ và kinh phí cho hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ hỗ trợ.

b4) Phê duyệt kế hoạch và báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ;

b5) Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

b6) Ban hành các quy định quản lý hoạt động của Quỹ.

c. Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy của Cơ quan điều hành Quỹ và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ này.

d. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ tham gia đầy đủ các hoạt động theo quy chế của Hội đồng quản lý Quỹ; được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước. Các thành viên kiêm nhiệm và thành viên chuyên trách được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm và lương theo quy định hiện hành;

e. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

2. Cơ quan điều hành Quỹ

Cơ quan điều hành Quỹ gồm Giám đốc Quỹ, các Phó giám đốc Quỹ, các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ và các văn phòng đại diện.

a. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ đồng thời là ủy viên Hội đồng quản lý nhưng không được quyền biểu quyết đối với các vấn đề do mình đề xuất hoặc trực tiếp thực hiện. Giám đốc Quỹ có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a1) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

a2) Quản lý nhân sự, tài sản và vốn của Quỹ;

a3) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng, phó đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ, Văn phòng đại diện của Quỹ;

b. Phó giám đốc Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Phó giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công;

c. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ và văn phòng đại diện của Quỹ là bộ phận giúp việc của Giám đốc Quỹ, do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định trên cơ sở thống nhất đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ.

3. Ban Kiểm soát Quỹ

a. Ban Kiểm soát Quỹ có từ 3 đến 5 thành viên, gồm Trưởng Ban, Phó trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh,

chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó giám đốc Quỹ. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ phải là những người có trình độ chuyên môn, am hiểu về các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng và pháp luật, hoạt động kiêm nhiệm theo nhiệm kỳ 05 năm.

b. Ban Kiểm soát Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

b1) Kiểm tra và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ về tình hình thực hiện Điều lệ của Quỹ, các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

b2) Hoạt động độc lập theo chương trình đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;

b3) Xem xét, trình cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ.

c. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ hoặc thành viên Ban Kiểm soát Quỹ được ủy quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ, phát biểu ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận, nhưng không được biểu quyết.

d. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ có nhiệm vụ tham gia đầy đủ các hoạt động theo quy chế; được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

đ. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 22. Hội đồng khoa học và công nghệ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

1. Hội đồng khoa học và công nghệ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn trong đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Quỹ tài trợ và các vấn đề chuyên môn liên quan khác.

2. Thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ là những nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, có trình độ chuyên môn cao.

3. Hội đồng khoa học và công nghệ hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 23. Ngân sách hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ, đặt hàng được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm. Căn cứ kế hoạch tài chính được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, Bộ Tài chính thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước.

b) Kinh phí chi cho hoạt động quản lý, điều hành của Quỹ được Bộ Khoa học và Công nghệ giao dự toán hằng năm, phù hợp với mức độ tự chủ tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:

a) Các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Thu từ các khoản lãi tiền gửi và các khoản thu hợp pháp khác

Điều 24. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

1. Nguyên tắc tiếp nhận và hạch toán

a) Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước chuyển vào tài khoản của Quỹ tại các ngân hàng thương mại hoặc tiếp nhận dưới hình thức hiện vật, tài sản, dịch vụ có giá trị. Quỹ có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn lực này đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Toàn bộ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước phải được hạch toán, theo dõi riêng và phản ánh đầy đủ trong báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ;

c) Việc tiếp nhận hiện vật, tài sản hoặc dịch vụ có giá trị phải được định giá, ghi nhận và sử dụng đúng mục tiêu được hiến, tặng hoặc tài trợ.

2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng

a) Quỹ được quyền chủ động xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm và quyết định việc phân bổ, sử dụng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, quy chế chi tiêu nội bộ đã được phê duyệt và phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Việc sử dụng nguồn ngoài ngân sách phải đúng mục tiêu hoạt động của Quỹ, bao gồm: tài trợ, hỗ trợ, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN quốc gia và các nhiệm vụ khác phù hợp với chức năng của Quỹ;

c) Việc chi tiêu từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ; không áp dụng các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu như đối với nguồn ngân sách nhà nước;

d) Quỹ được sử dụng nguồn thu hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước để chi bổ sung thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi tập thể và các khoản hỗ trợ khác cho cán bộ, viên chức, người lao động của Quỹ. Việc chi trả được thực hiện theo định mức trong quy chế chi tiêu nội bộ, không bị giới hạn bởi mức trần quy định trong cơ chế tự chủ tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định.

f) Nguồn thu ngoài ngân sách chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng và được hạch toán đầy đủ trong báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

3. Báo cáo, giám sát và kiểm toán

a) Quỹ có trách nhiệm công khai thông tin tiếp nhận và sử dụng các nguồn ngoài ngân sách theo quy định tại Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định về công khai tài chính;

b) Việc sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách vẫn chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 25. Phương thức tài trợ, hỗ trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

1. Tài trợ không hoàn lại toàn bộ hoặc một phần chi phí, hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế cho việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều ... Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do các tổ chức, cá nhân đề xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền đặt hàng.

2. Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, bao gồm:

a) Tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế;

b) Nghiên cứu sau tiến sỹ;

c) Thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài;

d) Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế ở Việt Nam và các hội thảo nghiên cứu cơ bản chuyên ngành trong nước (theo chuỗi hội thảo hằng năm hoặc cách năm);

đ) Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế;

e) Nâng cao chất lượng của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước;

f) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng;

g) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ tài trợ, hỗ trợ;

h) Mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn;

i) Nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới;

k) Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Chính phủ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý các hoạt động tài trợ, hỗ trợ của Quỹ.

Điều 26. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp quốc gia

1. Quỹ cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ phân công theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Nghị định này. Việc cấp kinh phí căn cứ vào hợp đồng giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Kinh phí được cấp phù hợp với tiến độ của hợp đồng theo đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu quyết toán kinh phí cấp phát, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Việc quản lý kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và pháp luật hiện hành.

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ Quỹ

Tổ chức, cá nhân nhận tài trợ, hỗ trợ của Quỹ, cấp kinh phí thông qua Quỹ có trách nhiệm:

1. Sử dụng kinh phí đúng mục đích theo dự toán đã được phê duyệt;

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, quy định pháp luật về quản lý khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan;

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được công bố theo quy định của Quỹ, Bộ Khoa học và Công nghệ; đăng ký, lưu giữ theo quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm giải trình trước Quỹ, Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu;

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sai phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí hoặc gian lận trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Điều 27. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, quyết toán và lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về kế toán và ngân sách nhà nước.

2. Quỹ thực hiện chuyển nguồn kinh phí dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

3. Quỹ được áp dụng quy định tự chủ về biên chế và tài chính theo chế độ hiện hành áp dụng đối với đơn vị công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

4. Chi hoạt động quản lý của Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Quỹ xem xét, quyết định việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên. Kinh phí thuê kiểm toán độc lập được bố trí trong nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Quỹ.

6. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán đối với Quỹ.

Điều 27. Giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình

1. Giám sát nội bộ

a. Quỹ thiết lập hệ thống giám sát nội bộ để theo dõi việc tuân thủ quy định pháp luật, quy chế hoạt động và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b. Việc giám sát bao gồm cả giám sát định kỳ, đột xuất và hậu kiểm độc lập sau khi kết thúc nhiệm vụ. Kết quả giám sát được công khai theo quy định và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động

a. Quỹ tổ chức đánh giá định kỳ về hiệu quả tài trợ, mức độ đạt được mục tiêu chiến lược, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

b. Kết quả đánh giá là cơ sở để điều chỉnh kế hoạch tài trợ, phân bổ nguồn lực và cải tiến quản trị.

c. Quỹ có thể phối hợp với các tổ chức độc lập để thực hiện đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ.

3. Trách nhiệm giải trình của Quỹ

Quỹ có trách nhiệm công khai thông tin về tài chính, hoạt động tài trợ và kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật; chịu trách nhiệm giải trình trước Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan giám sát khác về các hoạt động thuộc phạm vi quản lý và điều hành.

Điều 29. Cơ chế hậu kiểm đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nguyên tắc hậu kiểm

Việc hậu kiểm được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí, chất lượng đầu ra và tính tuân thủ của các nhiệm vụ KH&CN và ĐMST sau khi hoàn thành, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu và tránh thất thoát ngân sách nhà nước.

2. Nội dung hậu kiểm

a) Đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí, mức độ tiết kiệm, phù hợp với định mức chi đã quy định.

b) Kiểm tra tính pháp lý, hợp lệ, hợp lý của hồ sơ tài chính, chứng từ quyết toán.

c) Đánh giá tác động thực tế của sản phẩm nghiên cứu đối với ngành, địa phương, hoặc mục tiêu ứng dụng được quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Trách nhiệm thực hiện hậu kiểm

a) Quỹ thực hiện hậu kiểm theo quy định.

b) Đối với nhiệm vụ sử dụng vốn viện trợ, tài trợ, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, việc hậu kiểm thực hiện theo thỏa thuận với nhà tài trợ.

c) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác hậu kiểm.

4. Hình thức và thời điểm hậu kiểm

a) Hậu kiểm được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất trong thời hạn không quá 36 tháng kể từ khi nghiệm thu nhiệm vụ.

b) Quỹ xem xét, quyết định việc thuê đơn vị có chức năng đánh giá độc lập để thực hiện hậu kiểm. Kinh phí thuê được bố trí trong nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Quỹ.

5. Xử lý kết quả hậu kiểm

a) Trường hợp phát hiện sai phạm, thất thoát, sử dụng kinh phí không đúng mục tiêu, Quỹ quyết định thu hồi, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Kết quả hậu kiểm là căn cứ để đánh giá uy tín tổ chức, cá nhân và xem xét trong việc tham gia các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tương lai.

Điều 30. Xử lý rủi ro về tài chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nguyên tắc xử lý rủi ro

- a) Đúng quy định pháp luật;
- b) Có căn cứ rõ ràng, minh bạch;
- c) Có hồ sơ xác minh, ý kiến chuyên gia độc lập (nếu cần);

2. Các hình thức xử lý rủi ro bao gồm:

- a) Miễn, giảm, giãn thời gian hoàn trả;
- b) Khoanh nợ, xóa nợ (trong trường hợp phá sản);
- c) Không thu hồi tạm ứng còn lại;
- d) Không phạt vi phạm, không tính lãi chậm nộp

3. Các trường hợp rủi ro về tài chính bao gồm nhưng không giới hạn:

a) Nhiệm vụ không hoàn thành, không được nghiệm thu do nguyên nhân khách quan.

b) Thiệt hại về tài sản, thiết bị, kinh phí do sự cố bất khả kháng.

c) Tổ chức chủ trì bị giải thể, phá sản hoặc không còn tư cách pháp nhân hợp lệ.

d) Không thu hồi được vốn vay, tạm ứng do nguyên nhân chính đáng.

4. Việc xử lý rủi ro không làm thay đổi trách nhiệm giải trình của tổ chức chủ trì về việc sử dụng kinh phí.

Điều 15. Xử lý kinh phí trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đạt được kết quả cuối cùng như dự kiến

Trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, quy trình và nội dung nghiên cứu đã được thuyết minh

nhưng không đạt được kết quả cuối cùng như dự kiến, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước số kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ, trừ các khoản kinh phí sau:

1. Kinh phí đã cấp cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tài khoản tiền gửi ở Kho bạc Nhà nước của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ mà chưa sử dụng sau khi trừ đi số nợ phải trả của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Số nợ phải trả của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là số tiền tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ, công lao động đã thực hiện mà chưa được thanh toán.

2. Kinh phí tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã tạm ứng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện nội dung nghiên cứu hoặc cung ứng hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa thực hiện. Kinh phí này được xác định tương ứng với phần công việc, hàng hóa, dịch vụ chưa thực hiện.

3. Kinh phí đã sử dụng không đúng mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

CHƯƠNG VI

QUỸ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Điều 28. Địa vị pháp lý, chức năng của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

1. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tại các ngân hàng trong nước. Quỹ có trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội, văn phòng đại diện ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác.

2. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng tài trợ, đặt hàng thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ, cấp phiếu hỗ trợ công nghệ cho các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Tên giao dịch quốc tế là National Technology Innovation Fund, viết tắt là NATIF.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia

1. Tiếp nhận các nguồn kinh phí của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Quỹ thực hiện quản lý, sử dụng các nguồn ngoài ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động quản lý của quỹ thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp, hiến, tặng (nếu có).

2. Trường hợp ngân sách nhà nước chưa cấp đủ kinh phí theo kế hoạch, Quỹ được phép sử dụng tạm thời các nguồn ngoài ngân sách để chi cho các nhiệm vụ đã được phê duyệt và phải hoàn trả đầy đủ khi ngân sách được cấp.

3. Tổ chức tài trợ, đặt hàng thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ, cấp phiếu hỗ trợ công nghệ cho các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm:

a) Công bố các định hướng ưu tiên, nội dung, yêu cầu và thể thức cụ thể để tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, dự án có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo đề nghị Quỹ tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí, cấp phiếu hỗ trợ công nghệ.

b) Tổ chức việc xét tài trợ, tuyển chọn, giao trực tiếp, thực hiện tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét hỗ trợ lãi suất vay thực hiện dự án có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ kinh phí, cấp phiếu hỗ trợ công nghệ cho các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

c) Kiểm tra, đánh giá về việc tổ chức thực hiện đối với các nội dung chuyên môn, việc quản lý và sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được Quỹ tài trợ, hỗ trợ.

Giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện các dự án có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo hỗ trợ lãi suất vay được Quỹ hỗ trợ lãi suất vay.

d) Tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, dự án có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo do Quỹ hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ kinh phí, cấp phiếu hỗ trợ công nghệ.

đ) Tạm dừng, đình chỉ, chấm dứt, thu hồi kinh phí tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí, cấp phiếu hỗ trợ công nghệ khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức thực hiện cấp kinh phí đối với các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo phân công và quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí, phiếu hỗ trợ công nghệ.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Quản lý tổ chức và cán bộ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Tổ chức nghiên cứu, tham mưu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch trung hạn, định hướng ưu tiên, các quy định khác đảm bảo quản lý và triển khai hỗ trợ tài trợ, đặt hàng, lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí của Quỹ hiệu quả.

8. Ban hành các quy định phục vụ cho hoạt động của Quỹ theo thẩm quyền.

9. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, tổ chức quốc tế về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ kinh phí của Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia

1. Quỹ công bố công khai các quy định quản lý, thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký và kết quả tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí, phiếu hỗ trợ công nghệ của Quỹ; tổ chức xét tài trợ, tuyển chọn, giao trực tiếp chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, xét hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo dân chủ, bình đẳng thông qua Hội đồng tư vấn xét chọn, tuyển chọn, giao trực tiếp do Quỹ thành lập và ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập (trong các trường hợp cần

thiết); tổ chức xem xét hỗ trợ các hoạt động thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo theo các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Quỹ thực hiện đảm bảo liên chính học thuật, đạo đức, đúng đối tượng, mục đích, quy định đối với các nhiệm vụ, dự án do Quỹ tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí, cấp phiếu hỗ trợ công nghệ. Nội dung của nhiệm vụ, dự án do Quỹ đặt hàng, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ kinh phí, không được trùng lặp với nội dung của các nhiệm vụ, dự án đã hoặc đang thực hiện bằng kinh phí của Quỹ hoặc nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

3. Quỹ hỗ trợ các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước phải có lộ trình thực hiện và cam kết về kết quả đầu ra theo quy định.

Điều 31. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các văn phòng đại diện (nếu có). Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

1. Giám đốc Quỹ là người đứng đầu Quỹ, đại diện theo pháp luật của Quỹ, do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật. Giám đốc chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động theo sự phân công của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Phó Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

3. Bộ máy giúp việc

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, văn phòng đại diện (nếu có) của Quỹ theo quy định. Quỹ được thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ, các hội đồng khác để tư vấn cho Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 32. Hội đồng khoa học và công nghệ của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

1. Hội đồng khoa học và công nghệ do Giám đốc Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn trong đánh giá xét hỗ trợ lãi suất,

tài trợ, tuyển chọn, giao trực tiếp đánh giá kết quả các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Quỹ tài trợ và các vấn đề chuyên môn liên quan khác.

2. Việc thành lập Hội đồng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 33. Ngân sách hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ do Quỹ tài trợ, đặt hàng, kinh phí hỗ trợ lãi suất vay, kinh phí hỗ trợ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ; kinh phí cho hoạt động quản lý, điều hành của Quỹ được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm, với mức tối thiểu ... tỷ đồng; căn cứ kế hoạch tài chính được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, Bộ Tài chính thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:

a) Các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài

Việc sử dụng khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân cho nhiệm vụ của Quỹ thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp, hiến, tặng (nếu có). Tại thời điểm kết thúc năm ngân sách, khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng không sử dụng hết thì tiếp tục giữ lại quỹ để sử dụng, không phải nộp lại ngân sách nhà nước.

Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình, thủ tục, tiếp nhận, quản lý việc sử dụng các khoản đóng góp này.

b) Thu từ các khoản lãi tiền gửi và các khoản thu hợp pháp khác

c) Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước chuyển vào tài khoản của Quỹ tại các ngân hàng thương mại hoặc tiếp nhận dưới hình thức hiện vật, tài sản, dịch vụ có giá trị. Quỹ có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn lực này đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 34. Tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Điều kiện, tiêu chí, trình tự, hồ sơ xét tài trợ, tuyển chọn, giao trực tiếp và các quy định về tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định theo pháp luật có liên quan.

2. Mức kinh phí Quỹ tài trợ thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Dự án đổi mới sáng tạo thông qua đổi mới công nghệ, dự án đổi mới sáng tạo thông qua sáng tạo công nghệ mới, dự án hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, tiếp nhận, làm chủ và phát triển công nghệ được chuyển giao từ trong và ngoài nước được Quỹ tài trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện Dự án.

b) Dự án đổi mới sáng tạo thông qua cải tiến, nâng cao hiệu suất sản xuất, kinh doanh được Quỹ tài trợ tối đa 100% tổng kinh phí thực hiện Dự án.

c) Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngoài quy định tại điểm a, b Khoản này được Quỹ tài trợ tối đa đến 30% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặt hàng do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định danh mục, mức hỗ trợ theo từng chương trình, nhiệm vụ.

4. Hồ sơ, chứng từ thanh toán của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp kinh phí thực hiện thông qua Quỹ gồm:

a) Hợp đồng giao nhiệm vụ giữa Cơ quan quản lý và điều hành Quỹ và tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ;

Đối với kinh phí khoán chi: Bảng kê xác định khối lượng công việc hoàn thành gồm các nội dung công việc đã hoàn thành và kinh phí đã sử dụng tương ứng được Chủ nhiệm nhiệm vụ, Kế toán trưởng và Thủ trưởng tổ chức chủ trì xác nhận;

Đối với kinh phí không khoán chi: Bảng kê xác định khối lượng công việc hoàn thành gồm các nội dung công việc đã hoàn thành và kinh phí đã sử dụng tương ứng được Chủ nhiệm nhiệm vụ, Kế toán trưởng và Thủ trưởng tổ chức chủ trì xác nhận; Hồ sơ, chứng từ minh chứng việc sử dụng kinh phí hợp lý, hợp pháp;

b) Biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoàn thành trong năm ngân sách).

5. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 35. Hỗ trợ lãi suất vay

1. Điều kiện, tiêu chí, nội dung, hợp đồng, giải ngân, giám sát, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay và tổ chức thực hiện hỗ trợ lãi suất vay được quy định theo pháp luật có liên quan.

2. Phương thức hỗ trợ lãi suất vay

Quỹ thực hiện giải ngân cho tổ chức tín dụng theo tiến độ trong hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay giữa Quỹ, tổ chức tín dụng và chủ đầu tư.

3. Mức hỗ trợ lãi suất vay tối đa bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước bằng đồng Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định mức hỗ trợ lãi suất vay hằng năm.

4. Thời hạn hỗ trợ lãi suất vay tối đa bằng thời hạn vay ghi trong Hợp đồng tín dụng hoặc Khế ước nhận nợ đã ký ban đầu giữa chủ đầu tư với tổ chức tín dụng nhưng không quá 05 năm tính từ thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng hoặc Khế ước nhận nợ đầu tiên đã ký giữa chủ đầu tư với tổ chức tín dụng.

5. Đồng tiền hỗ trợ lãi suất vay là đồng Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ thì thực hiện hỗ trợ lãi suất vay quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất.

6. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

7. Bộ Khoa học và công nghệ ban hành hướng dẫn quy định về hồ sơ và quản lý hoạt động hỗ trợ lãi suất vay.

Điều 36. Hỗ trợ các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại pháp luật có liên quan.

2. Bộ Khoa học và công nghệ hướng dẫn quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, quản lý hoạt động, mức hỗ trợ đối với hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 37. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, quyết toán và lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về kế toán và ngân sách nhà nước.

2. Quỹ thực hiện chuyển nguồn kinh phí dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

3. Quỹ được áp dụng quy định tự chủ về biên chế và tài chính theo chế độ hiện hành áp dụng đối với đơn vị công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

4. Chi hoạt động quản lý của Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Xem xét, quyết định việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng

tạo, kinh phí thuê kiểm toán độc lập được bố trí trong nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quỹ.

6. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ.

Điều 38. Giám sát, đánh giá, trách nhiệm giải trình và quản trị rủi ro

1. Giám sát nội bộ

a. Quỹ thiết lập hệ thống giám sát nội bộ để theo dõi việc tuân thủ quy định pháp luật, quy chế hoạt động và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b. Việc giám sát bao gồm cả giám sát định kỳ, đột xuất và hậu kiểm độc lập sau khi kết thúc nhiệm vụ. Kết quả giám sát được công khai theo quy định và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động

a. Quỹ tổ chức đánh giá định kỳ về hiệu quả tài trợ, mức độ đạt được mục tiêu chiến lược, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

b. Kết quả đánh giá là cơ sở để điều chỉnh kế hoạch tài trợ, phân bổ nguồn lực và cải tiến quản trị.

c. Quỹ có thể phối hợp với các tổ chức độc lập để thực hiện đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ.

3. Trách nhiệm giải trình của Quỹ

Quỹ có trách nhiệm công khai thông tin về tài chính đối với các hoạt động thuộc phạm vi quản lý và điều hành của Quỹ.

4. Quản trị rủi ro thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Các điều 13 và 14 của Nghị định này có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Nghị định này thay thế Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Bãi bỏ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia; Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ.

5. Bãi bỏ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 08/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Bãi bỏ Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia:

a) Nguồn vốn hoạt động của Quỹ theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc nhà nước được sử dụng để chi quản lý và hoạt động, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Nghị định này; Bộ Khoa học và Công nghệ giao Quỹ quản lý, sử dụng nguồn vốn này.

b) Các dự án của Quỹ đang thực hiện trước khi Nghị định này ban hành thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các văn bản khác có liên quan:

- Gốc, lãi thu về hàng năm của các dự án được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc nhà nước để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

- Xử lý tài sản và kinh phí chưa thu hồi của các nhiệm vụ được tài trợ theo quy định hiện hành.

2. Quy định về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia:

Đối với các khoản đóng góp từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước đã nộp về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 11 Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 và các khoản lãi phát sinh, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia thực hiện nộp ngân sách nhà nước.

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng chính sách Xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, Các PCN, công TTĐT, Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính